

Số: 125 / UBND

Khánh Hòa, ngày 2 tháng 7 năm 2016

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện nhiệm vụ ngân sách 6 tháng đầu năm và phương hướng nhiệm vụ ngân sách 6 tháng cuối năm 2016

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 9/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh (HĐND) khóa V, kỳ họp thứ 11 về dự toán thu NSNN trên địa bàn, chi NSDP; phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2016; quán triệt Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 07/01/2016 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2016, ngày 22/01/2016 UBND tỉnh ban hành Chỉ thị số 03/CT-UBND về việc tổ chức thực hiện dự toán NSNN năm 2016. Trên cơ sở đó, các Sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố đã tổ chức thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp ngay từ những tháng đầu năm 2016. Với kết quả đã đạt được, UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh tình hình thực hiện nhiệm vụ ngân sách 6 tháng đầu năm và phương hướng nhiệm vụ ngân sách 6 tháng cuối năm như sau:

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2016

I. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn:

Tổng thu NSNN 6 tháng là 8.352 tỷ đồng, bằng 62,3% so với dự toán trung ương (DTTW) và bằng 60,2% so với dự toán địa phương (DTDP), tăng 36,1% so với cùng kỳ năm 2015 (cùng kỳ). Trong đó:

1. Thu thuế xuất nhập khẩu: thực hiện 6 tháng đầu năm 2.258 tỷ đồng, bằng 71,1% so với DT và tăng 56,4% so với cùng kỳ. Ước thực hiện cả năm 3.200 tỷ đồng (thu nhập khẩu xăng dầu 2.870 tỷ đồng, chiếm 90% tổng thu XNK), vượt 10,4% so với DTTW, vượt 0,8% so với DTDP và bằng 91,5% so với cùng kỳ. Nguyên nhân do lượng xăng dầu nhập khẩu tại Khánh Hòa tăng gấp 2,9 lần so với cùng kỳ dẫn đến kim ngạch tăng 1,7 lần và các mặt hàng nguyên liệu sản xuất thuốc lá của Tổng công ty Khánh Việt tăng 47,6% so với cùng kỳ. Bên cạnh đó, có một số nguyên nhân làm cho tốc độ thu bị chậm lại: giá xăng dầu thế giới giảm so với cùng kỳ dẫn đến đơn giá bình quân mặt hàng xăng dầu giảm 31,26%; thuế xuất nhập khẩu bình quân của xăng dầu hiện nay giảm hơn 10% so với cùng kỳ, mặt hàng dầu DO có thuế suất giảm còn 7%; thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi được điều chỉnh theo lộ trình của các Hiệp định thương mại, Hiệp định Thương mại hàng hóa

ASEAN, Asean-Hàn Quốc giai đoạn 2015-2018 đã giảm thuế suất thuế nhập khẩu một số mặt hàng khác (như xơ làm đầu lọc thuốc lá, màng BOPP, sắt thép các loại...).

2. Thu nội địa: Thực hiện 6 tháng đầu năm là 6.094 tỷ đồng (bao gồm thu từ hoạt động SXKD trong nước 5.971 tỷ đồng và thu ngoài cân đối 123 tỷ đồng), bằng 58% so với DTTW, bằng 56,9% so với DTĐP và tăng 29,9% so với cùng kỳ. Cụ thể một số khoản thu như sau:

Có 13/17 khoản thu đạt trên 50% dự toán, cụ thể:

a) Khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: thực hiện 6 tháng đầu năm 183 tỷ đồng, bằng 69% dự toán, tăng 55,8% so với cùng kỳ. Trong đó, một số đơn vị có số thu khá như sau: Nhà thầu Hyundai Vinashin phát sinh 24 tỷ đồng (tăng 37,4% so với cùng kỳ) do phát sinh hợp đồng, Công ty Bia San Miguel Việt Nam phát sinh 15 tỷ đồng (tăng 15,3% so với cùng kỳ), Công ty Cổ phần Rapexco Đại Nam phát sinh thuế TNDN năm 2015 là 2 tỷ đồng (năm trước lỗ), Công ty Liên doanh khai thác đá Hòn Thi phát sinh 6 tỷ đồng do giá tính thuế tài nguyên tăng, Công ty TNHH Khu du lịch Vịnh Thiên Đường phát sinh 12 tỷ đồng (tăng 11 tỷ đồng so với cùng kỳ) do khách hàng ứng trước doanh thu về hoạt động kỳ nghỉ dưỡng, Công ty TNHH May mặc đồ bơi Thống Nhất phát sinh 4,8 tỷ đồng (năm trước chỉ nộp 3 triệu tiền thuế môn bài).

Đặc biệt trong kỳ số thuế nộp tăng cao do Liên doanh thầu xây dựng các cầu tàu và công trình biển tại Cửa Vân Phong 33 tỷ đồng (nộp qua công tác thanh tra thuế).

b) Thu từ khu vực CTN ngoài quốc doanh: thực hiện 6 tháng đầu năm 1.597 tỷ đồng, bằng 71,3% dự toán, tăng 87% so với cùng kỳ. Cụ thể một số doanh nghiệp có số nộp khá như sau: Công ty TNHH Vinpearl Nha Trang nộp thuế chuyển nhượng biệt thự du lịch "Khu biệt thự và khách sạn Vinpearl Golfand Resort và Villas" là 554 tỷ đồng (năm 2015 nộp 264 tỷ đồng), Chi nhánh Công ty TNHH An Phong nộp 4 tỷ đồng do bán siêu thị Maximark, Công ty TNHH Hoàn Cầu Resort Vịnh Kim Cương nộp 18 tỷ đồng do nộp dồn thuế TNDN phát sinh trong quý IV/2015, Công ty Cổ phần An Viên nộp 46 tỷ đồng do chuyển nhượng cổ phần.

Bên cạnh đó có một số doanh nghiệp số thu nộp giảm so với cùng kỳ: Công ty TNHH MTV Đường Ninh Hòa - Biên Hoà giảm 27 tỷ đồng; Công ty Cổ Phần May Khánh Hòa giảm 6,6 tỷ đồng; Công ty Cổ Phần Dệt may Nha Trang giảm 12 tỷ đồng; Công ty Đường Khánh Hòa giảm 12 tỷ đồng; Công ty Cổ Phần Nha Trang Seafoods - F17 giảm 17 tỷ đồng, do doanh nghiệp xuất khẩu nên không phát sinh thuế GTGT phải nộp (được hoàn).

c) Thuế thu nhập cá nhân: thực hiện 6 tháng đầu năm 294 tỷ đồng, bằng 58,8% so với dự toán, tăng 24,5% so với cùng kỳ;

d) Thu tiền sử dụng đất: thực hiện 6 tháng đầu năm 628 tỷ đồng, bằng 57,1% so với dự toán, bằng 92,3% so với cùng kỳ.

Trong 6 tháng đầu năm, toàn tỉnh có 173 dự án giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất có thu tiền sử dụng đất; trong đó: 10 dự án thuộc diện được miễn tiền sử

dụng đất; 127 dự án đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính; 17 dự án đã có quyết định phê duyệt giá; 19 dự án chưa có giá. Các dự án đầu tư có số thu tiền sử dụng đất cao như: Công ty Cổ phần Nha Trang Sao (dự án công viên văn hóa giải trí thể thao Nha Trang Sao) 39 tỷ đồng; Công ty CP Vinpearl (dự án Vinpearl Empire Condotel) 53 tỷ đồng; Công ty CP Đông Dương (dự án chung cư cao tầng 16 Phước Long) 14 tỷ đồng.

Và một số dự án nộp tiền sử dụng đất thông qua hình thức ghi thu, ghi chi: Công ty CP Sông Đà Nha Trang (dự án Khu Dân Cư Cồn Tân Lập) 156 tỷ đồng; Công ty CP Khách sạn bên du thuyền (dự án Trung tâm bến du thuyền Hoàng Gia) 45 tỷ đồng; Công ty CP Sài Gòn Cam Ranh (dự án Khu du lịch Sài Gòn Cam Ranh) 20 tỷ đồng.

đ) Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: thực hiện 6 tháng đầu năm 8,3 tỷ đồng, bằng 58,3% dự toán, bằng 91,6% so với cùng kỳ do nhiều hộ gia đình, cá nhân đã thực hiện việc đóng thuế một lần cho nhiều năm.

e) Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước: thực hiện 6 tháng đầu năm 284 tỷ đồng, gấp 1,9 lần so với dự toán, gấp 3 lần so với cùng kỳ. Nguyên nhân do một số đơn vị nộp tiền thuê đất 01 lần như: Công ty CP Đầu tư Viên Triều Nha Trang nộp 152 tỷ đồng cho dự án khách sạn và căn hộ cao cấp Oceanus, Bãi Dương và thực hiện ghi thu, ghi chi của một số dự án như: dự án Sân golf và biệt thự sinh thái Cam Ranh của Công ty CP Đầu tư Dầu khí Nha Trang 55 tỷ đồng.

g) Thu tiền bán nhà và thuê nhà thuộc SHNN: thực hiện 6 tháng đầu năm 5,7 tỷ đồng, vượt 14% dự toán, tăng 27,5% so với cùng kỳ.

h) Thuế bảo vệ môi trường: thực hiện 6 tháng đầu năm 287 tỷ đồng, bằng 54,2% dự toán, gấp 2 lần so với cùng kỳ.

i) Lệ phí trước bạ: thực hiện 6 tháng đầu năm 159 tỷ đồng, bằng 54,9% dự toán, tăng 29,4% so với cùng kỳ.

k) Thu phí, lệ phí: thực hiện 6 tháng đầu năm 182 tỷ đồng, bằng 84,5% dự toán, tăng 78% so với cùng kỳ. Nguyên nhân do phí xuất nhập cảnh, thị thực nộp tăng cao so với cùng kỳ (6 tháng đầu năm nộp 92 tỷ đồng).

l) Thu tại xã: thực hiện 6 tháng đầu năm 13,3 tỷ đồng, đạt 53,2% dự toán, tăng 15,1% so với cùng kỳ.

m) Thu tiền từ cấp quyền khai thác khoáng sản: thực hiện 6 tháng đầu năm 25 tỷ đồng, tăng 13,8% dự toán. Trong đó một số đơn vị nộp thu ngân sách cao như: Công ty TNHH Khai thác đá Hòn Thị nộp 8,6 tỷ đồng, Công ty Cổ phần Bất động sản Hà Quang nộp 2 tỷ đồng, Công ty TNHH Xây lắp số 1 nộp 1 tỷ đồng.

n) Khoản thu từ lợi nhuận còn lại của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước: thực hiện 6 tháng đầu năm 183 tỷ đồng, bằng 52,1% dự toán và tăng 78,2% so với cùng kỳ. Trong đó, số thu của các đơn vị như sau: Tổng công ty Khánh Việt 149 tỷ đồng, Công ty TNHH Nhà nước MTV Yên Sào 8 tỷ đồng.

Có 4/17 khoản thu đạt dưới 50% dự toán, cụ thể:

a) Thu từ DNNN Trung ương: thực hiện 6 tháng đầu năm 229 tỷ đồng, bằng 47,7% dự toán, tăng 8,4% so với cùng kỳ. Nguyên nhân một số đơn vị có số thu giảm so với cùng kỳ như: Viễn thông Khánh Hòa giảm 9,6 tỷ đồng (giảm 84,1% so với cùng kỳ), Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa giảm 4 tỷ đồng (giảm 21,4% so với cùng kỳ), Công ty Cổ phần Tư vấn Điện 4 giảm 1,6 tỷ đồng (giảm 18,5% so với cùng kỳ).

Bên cạnh đó, một số đơn vị có số nộp tăng để bù lại số thu của khu vực này như: Công ty Xăng dầu Phú Khánh thực hiện tăng 14 tỷ đồng (tăng 101% so với cùng kỳ), Tổng Công ty Xăng dầu Quân đội thực hiện tăng 4,6 tỷ đồng (gấp 3 lần so với cùng kỳ).

b) Thu từ DNNN địa phương: thực hiện 6 tháng đầu năm 1.821 tỷ đồng, bằng 43,8% dự toán, bằng 98,3% so với cùng kỳ. Nguyên nhân không đạt dự toán của khu vực này là do tác động của Luật chống tác hại thuốc lá đã ảnh hưởng đến thị trường tiêu thụ, sản lượng tiêu thụ 6 tháng đầu năm giảm so với cùng kỳ 40 triệu đồng bao, vì vậy 6 tháng đầu năm chỉ nộp 1.593 tỷ đồng, giảm 55 tỷ đồng so với cùng kỳ (6 tháng đầu năm 2015 nộp 1.648 tỷ đồng).

Bên cạnh đó, một số đơn vị có số nộp tăng để bù lại số thu của khu vực này như: Công ty TNHH NN MTV Yên sào Khánh Hòa nộp tăng 13 tỷ đồng do doanh thu tăng và doanh nghiệp có sản xuất mặt hàng mới chịu thuế TTĐB (rượu thuốc).

c) Thuế sử dụng đất nông nghiệp: thực hiện 6 tháng đầu năm 360 triệu đồng, bằng 51,4% dự toán, bằng 67% so với cùng kỳ.

d) Thu khác ngân sách: thực hiện 6 tháng đầu năm 72 tỷ đồng, bằng 43,8% dự toán, tăng 2,2% so với cùng kỳ.

II. Tình hình thu hồi nợ thuế 6 tháng đầu năm 2016:

Sáu tháng đầu năm 2016, số nợ thuế là 505,981 tỷ đồng, so với cuối năm 2015 số nợ thuế tăng 17,8%, trong đó nợ có khả năng thu 356,725 tỷ đồng (đã bao gồm 291,383 tỷ đồng nợ có khả năng thu năm 2015 chuyển sang, 6 tháng đầu năm 2016 đã thu và xử lý giảm được 189,834 tỷ đồng), nợ không có khả năng thu hồi 148,256 tỷ đồng. Trong 6 tháng đầu năm số nợ thuế phát sinh 814,157 tỷ đồng, theo đó số nợ thuế (có khả năng thu) còn phải thu trong 6 tháng cuối năm 356,728 tỷ đồng (bao gồm số nợ thuế phát sinh từ đầu năm chưa thu được 255,179 tỷ đồng + số nợ thuế có khả năng thu năm 2015 chuyển sang 101,549 tỷ đồng) chưa tính đến số phát sinh trong 6 tháng cuối năm 2016. Tại thông báo số 358/TB-UBND ngày 18/7/2016, UBND tỉnh đã chỉ đạo Cục thuế tỉnh duy trì và phấn đấu tỷ lệ tổng nợ có khả năng thu trên tổng thu đến thời điểm 31/12/2016 là 3,5%, giảm 1,5% so với chỉ tiêu của Bộ Tài chính và Tổng Cục thuế giao là 5% đồng thời giảm 97% nợ có khả năng thu năm 2015 chuyển sang năm 2016.

III. Chi ngân sách địa phương: thực hiện 6 tháng đầu năm là 5.215 tỷ đồng, bằng 55% so với dự toán, cụ thể:

1. Chi trong cân đối ngân sách:

- Chi đầu tư phát triển 2.064 tỷ đồng, bằng 90% so với dự toán (số chi đầu tư trong 6 tháng đầu năm tăng cao là do chi từ các nguồn bổ sung ngoài dự toán 1.177 tỷ đồng), trong đó:

+ Chi đầu tư phát triển từ dự toán 887 tỷ đồng, bằng 39% so với DT, cụ thể:

++ Chi XD CB tập trung vốn trong nước 383 tỷ đồng, bằng 47% so với dự toán;

++ Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất 385 tỷ đồng, bằng 37% so với dự toán;

++ Chi đầu tư từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW 119 tỷ đồng, bằng 27% so với dự toán;

+ Chi đầu tư phát triển từ các nguồn bổ sung ngoài dự toán là 1.177 tỷ đồng, cụ thể:

++ Từ nguồn chuyển nguồn năm 2015 sang năm 2016 là 1.100 tỷ đồng;

++ Từ nguồn vốn khác 38 tỷ đồng (chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất các dự án 2 tỷ đồng và chi từ nguồn các nguồn của ngân sách huyện 36 tỷ đồng);

++ Từ nguồn ghi thu - ghi chi tiền thuê đất 39 tỷ đồng.

- Chi thường xuyên: thực hiện 6 tháng 2.219 tỷ đồng, bằng 43% so với dự toán. Trong 6 tháng đầu năm, ngoài các nhiệm vụ chi đã bố trí trong dự toán, ngân sách địa phương đã cân đối nguồn để chi trả lương tháng 01, tháng 02 năm 2016 và hỗ trợ nhân dịp Tết Nguyên Đán với tổng kinh phí 530 tỷ đồng (chi lương và phụ cấp 405 tỷ đồng, chi chính sách ASXH cho các đối tượng 62 tỷ đồng và chi hỗ trợ Tết 63 tỷ đồng); chi phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội và HĐND các cấp 29 tỷ đồng; chi khắc phục hậu quả hạn hán và xâm nhập mặn vụ Đông Xuân năm 2015-2016 là 17,7 tỷ đồng; chi hỗ trợ mua gạo trợ cấp cứu đói dịp Tết Nguyên Đán Bình Thân 2016 cho 15.595 hộ (52.267 khẩu) số tiền 9,016 tỷ đồng; chi hỗ trợ gạo cho nhân dân bị ảnh hưởng hạn hán cho 16.405 hộ (49.419 khẩu) số tiền 9,597 tỷ đồng; chi hỗ trợ ngư dân theo Quyết định số 48/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ số tiền 58,350 tỷ đồng (hỗ trợ 783 chuyển biển, 1.807 bảo hiểm thuyền viên và 218 bảo hiểm thân tàu); kinh phí thực hiện tinh giảm biên chế 15 tỷ đồng và một số nhiệm vụ khác.

2. Chi ngoài cân đối ngân sách: 6 tháng thực hiện 48 tỷ đồng (chủ yếu từ nguồn thu XSKT), bằng 25% so với dự toán.

3. Chi trả nợ gốc và lãi vay theo Khoản 3, Điều 8, Luật NSNN: 6 tháng đầu năm là 883 tỷ đồng, bằng 75% so với dự toán, cụ thể:

+ Trả lãi vay : 6.390 triệu đồng

+ Trả nợ gốc vay Kho bạc Nhà nước : 750.000 triệu đồng

++ DA đường Cao Bá Quát - Cầu Lùng : 250.000 triệu đồng

++ DA đường Phong Châu : 100.000 triệu đồng

++ DA đường cát hạ cánh số 2 - Cảng : 400.000 triệu đồng

hàng không quốc tế Cam Ranh

+ Trả nợ vay Dự án VSMT DH Miền Trung	:	828 triệu đồng
+ Trả nợ Chương trình KCHKM & GTNT	:	95.000 triệu đồng
+ Ghi thu tiền sử dụng đất và tiền thu đất, đồng thời ghi chi trả nợ nhà đầu tư	:	31.198 triệu đồng
++ GTGC trả nợ tiền ứng trước tiền thuê đất cho Công ty CP Đầu tư Dầu khí Nha Trang	:	15.757 triệu đồng
++ GTGC trả nợ tiền ứng trước tiền thuê đất cho Công ty TNHH Hồng Hà Cam Ranh	:	161 triệu đồng
++ GTGC trả nợ tiền ứng trước tiền thuê đất cho Cty TNHH KDL Vịnh Thiên Đường	:	539 triệu đồng
++ GTGC trả nợ tiền sử dụng đất cho Cty Cổ phần Sài Gòn - Cam Ranh	:	14.741 triệu đồng

4. Chi từ nguồn dự phòng ngân sách:

Dự phòng NSDP 6 tháng đầu năm đã sử dụng 55,4 tỷ đồng (NS cấp tỉnh 31,2 tỷ đồng, NS huyện 24,2 tỷ đồng), bằng 29% so với dự toán. Cụ thể:

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Nội dung chi	NSDP	Cấp tỉnh	Cấp huyện
	Tổng số	55,4	31,2	24,2
I	Chi công tác an sinh xã hội	26	16	10
1	Hỗ trợ các tổ chức, cá nhân và hộ gia đình khai thác hải sản theo QĐ số 48/2010/QĐ-TTg năm 2016	14	14	
2	Hỗ trợ người dân thuộc hộ nghèo vùng khó khăn theo QĐ số 102/2009/QĐ-TTg năm 2016 khi chuẩn nghèo thay đổi	1	1	
3	KP trả tiền bảo hiểm thực hiện Nghị định 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014	1	1	
4	Hỗ trợ gạo cứu đói Tết Bính Thân 2016	4		5
5	KP trợ giúp cứu đói năm 2016	2		2
6	Kinh phí mua gạo trợ cấp cho nhân dân bị ảnh hưởng hạn hán năm 2016	2		3
II	Chi công tác phòng, chống dịch bệnh, thiên tai, hỏa hoạn	13,7	11	2,7
1	Hỗ trợ mua gạo dịp Tết Bính Thân 2016	2	2	

STT	Nội dung chi	NSDP	Cấp tỉnh	Cấp huyện
2	Hỗ trợ giống cây trồng và giống thủy sản khôi phục sản xuất do mưa lũ năm 2010	2	2	
3	KP mua vật chất y tế đảm bảo nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho cán bộ và nhân dân tại các xã đảo, thị trấn Trường Sa, huyện Trường Sa	1	1	
4	Khảo sát và tổ chức khoan giếng, giải quyết nước sinh hoạt cho nhân dân huyện Khánh Vĩnh	1	1	
5	Hỗ trợ mua gạo trợ cấp cho nhân dân do bị ảnh hưởng hạn hán năm 2016	5	5	
6	KP xây dựng mương thoát lũ tổ dân phố Hòa Bình	1		2,5
7	Các khoản chi khác	0,6		0,2
III	Chi an ninh, quốc phòng	0,8	0,2	0,6
1	KP đoàn đi công tác Campuchia	0,2	0,2	
2	Trang bị dự trữ vật chất hậu cần cho Đại hội DBĐV khẩn cấp	0,6		0,6
IV	Chi các nội dung cấp bách khác	14,9	4	10,9
1	Kinh phí thực hiện việc phân công công tác của sinh viên thuộc nguồn dự bị dài hạn của tỉnh sau khi tốt nghiệp Đại học, Cao đẳng	2	2	
2	Kinh phí đoàn công tác Trường Sa	0,7	0,7	
3	Hỗ trợ giá điện trong 5 tháng đầu năm 2014 tại các đảo Vũng Ngán, Bích Đàm, TP Nha Trang	0,5	0,5	
4	Thực hiện sửa chữa khẩn cấp cầu Bến Điệp, xã Phước Đồng	1,7		1,7
5	Thực hiện sửa chữa khẩn cấp công trình Kè sạt lở đường dân sinh khu Lò Vôi, thôn Cát Lợi, xã Vĩnh Lương	1,7		1,7
6	Bổ sung kế hoạch đầu tư XD CB 6 tháng đầu năm 2016 để thanh toán khối lượng hoàn thành công trình: san nền dưới Cầu vượt huyện Vạn Ninh	1,2		1,2
7	KP khắc phục một số khu vực sạt lở dọc sông Cái và sông Lốt	2,3		2,3

STT	Nội dung chi	NSDP	Cấp tỉnh	Cấp huyện
8	Các khoản hỗ trợ khác	4,8	0,8	4

5. Chi tạm ứng, ứng trước dự toán:

Ngoài ra, trong 6 tháng đầu năm, ngân sách cấp tỉnh đã cân đối nguồn để tạm ứng và ứng trước dự toán 241 tỷ đồng cho các địa phương, đơn vị phục vụ công tác đền bù, giải tỏa và một số nhiệm vụ cấp bách khác:

- Đền bù, giải tỏa cho các dự án : 96 tỷ đồng
- + Dự án Trung tâm điện lực Vân Phong : 73 tỷ đồng
- + BTHT, TĐC dự án mở rộng dải cây xanh cách ly thuộc cụm công nghiệp Đặc Lộ : 23 tỷ đồng
- Ứng thi công sửa chữa hồ chứa nước Đồng Mộc xã Diên Xuân, Diên Khánh : 14,5 tỷ đồng
- Ứng trước cho các dự án Bắc bán đảo Cam Ranh: 4,5 tỷ đồng
- Tạm ứng kinh phí mua mía cho các hộ nông dân : 70 tỷ đồng
- Tạm ứng hỗ trợ giống cây trồng bị thiệt hại do hạn hán năm 2015 : 14 tỷ đồng
- Tạm ứng xây dựng nhà khách huyện Trường Sa : 5 tỷ đồng
- Hoàn trả số thu điều tiết ngoài quốc doanh 7 tháng cuối năm 2015 cho thành phố Nha Trang : 8 tỷ đồng
- Kinh phí duy trì cây xanh và điện chiếu sáng tại Khu TĐC Ninh Thủy : 2 tỷ đồng
- Kinh phí hoạt động quản lý của BQL DA phát triển tỉnh Khánh Hòa : 4 tỷ đồng
- Một số nội dung khác : 23 tỷ đồng

IV. Đánh giá chung:

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 07/01/2016 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2016, thông qua Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 22/01/2016 UBND tỉnh đã chỉ đạo các cấp, các ngành căn cứ tình hình thực tế của địa phương, đơn vị mình tiến hành xây dựng các giải pháp cụ thể và tập trung triển khai ngay từ những tháng đầu năm về công tác quản lý điều hành ngân sách năm 2016. Điều đó đã góp phần làm cho tình hình kinh tế xã hội của tỉnh Khánh Hòa tiếp tục phát triển: sáu tháng đầu năm 2016, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh Khánh Hòa tiếp tục phát triển: tốc độ tăng trưởng GRDP ước tăng 7,7%. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) ước tăng 9%. Kim ngạch xuất khẩu ước được 608 triệu USD, tăng 13,4%; kim ngạch nhập khẩu ước được 326 triệu USD, giảm 6,7%. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng ước được 34.768,8 tỷ

đồng, tăng 14,5%. Tổng doanh thu từ dịch vụ du lịch ước được 2.614 tỷ đồng, tăng 21,5%. Chỉ số giá tiêu dùng tháng 6/2016 tăng 1,11% so với cùng kỳ năm 2015. Các lĩnh vực văn hóa, xã hội, môi trường được quan tâm, an sinh xã hội và phúc lợi xã hội cơ bản được đảm bảo, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững; công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo đấu tranh phòng chống tham nhũng được chú trọng; quốc phòng, an ninh được giữ vững.

Kết quả thực hiện nhiệm vụ ngân sách 6 tháng đầu năm đã góp phần tích cực, tạo đà để đảm bảo hoàn thành thắng lợi dự toán NSNN nói riêng và kế hoạch phát triển KT – XH của tỉnh năm 2016.

Phần thứ hai

NHIỆM VỤ NSNN 6 THÁNG CUỐI NĂM 2016

Thực hiện nhiệm vụ tài chính – ngân sách trong những tháng cuối năm, bên cạnh những chuyển biến tích cực, thuận lợi của 6 tháng đầu năm, tạo đà thuận lợi cho những tháng tiếp theo, vẫn còn tiềm ẩn những tác động bất lợi của nền kinh tế thế giới và trong nước, các yếu tố không thuận lợi của thiên tai, dịch bệnh... đòi hỏi các cấp, các ngành, các địa phương cần tập trung triển khai quyết liệt các nội dung tại Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 22/01/2016 về tổ chức thực hiện dự toán NSNN năm 2016 và Chỉ thị số 18/UBND ngày 14/7/2016 về việc tăng cường các giải pháp thực hiện thu, chi NSNN 6 tháng cuối năm 2016 để đảm bảo phấn đấu hoàn thành dự toán NSNN đã được Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính giao và HĐND quyết định. Cụ thể như sau:

I. Về thu NSNN trên địa bàn:

Tổng thu NSNN trên địa bàn ước 6 tháng cuối năm 5.747 tỷ đồng, ước cả năm 2016 là 14.099 tỷ đồng, vượt 5,2% so với DTTW, vượt 1,6% so với DTĐP và tăng 3,9% so với cùng kỳ. Cụ thể:

1. Thu thuế xuất nhập khẩu: ước 6 tháng cuối năm 942 tỷ đồng, ước cả năm 3.200 tỷ đồng, vượt 10,4% so với DTTW, vượt 0,8% so với DTĐP và bằng 91,5% so với cùng kỳ.

2. Thu nội địa: ước 6 tháng cuối năm 4.804 tỷ đồng, ước cả năm 10.899 tỷ đồng (*thu từ hoạt động SXKD trong nước 10.690 tỷ đồng và thu ngoài cân đối 209 tỷ đồng*), vượt 3,8% so với DTTW, vượt 1,9% so với DTĐP và tăng 8,2% so với cùng kỳ. Trong đó có 14/17 khoản thu đạt và vượt dự toán và 3/17 khoản thu không đạt dự toán, cụ thể:

Các khoản thu đạt và vượt dự toán:

- DNNN Trung ương ước thực hiện 480 tỷ đồng, bằng 100% so với dự toán, tăng 4% so với cùng kỳ;

- DN có vốn đầu tư nước ngoài ước thực hiện 300 tỷ đồng, vượt 13,2% so với dự toán, tăng 16,3% so với cùng kỳ;

- Thu từ khu vực CTN Ngoài quốc doanh ước thực hiện 2.420 tỷ đồng, vượt 8% so với dự toán, tăng 23,6% so với cùng kỳ;

- Thu lệ phí trước bạ ước thực hiện 290 tỷ đồng, bằng 100% so với dự toán, tăng 6% so với cùng kỳ;
- Thuế thu nhập cá nhân ước thực hiện 550 tỷ đồng, vượt 10% so với dự toán, tăng 31,6% so với cùng kỳ;
- Thuế bảo vệ môi trường ước thực hiện 536 tỷ đồng, vượt 1,1% so với dự toán, tăng 39,1% so với cùng kỳ;
- Thu phí, lệ phí ước thực hiện 280 tỷ đồng, vượt 30,2% so với dự toán, tăng 2,9% so với cùng kỳ;
- Thu tiền sử dụng đất ước thực hiện 1.200 tỷ đồng (số ghi thu, ghi chi 280 tỷ đồng và số thu phát sinh 920 tỷ đồng), vượt 9,1% so với dự toán, bằng 92,2% so với cùng kỳ;
- Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước ước thực hiện 380 tỷ đồng (số ghi thu, ghi chi 62,4 tỷ đồng và số thu phát sinh 317,6 tỷ đồng), vượt gấp 2,6 lần so với dự toán, tăng 83,9% so với cùng kỳ;
- Thu tiền bán và thuê nhà thuộc sở hữu NN ước thực hiện 6 tỷ đồng, vượt 20% so với dự toán và tăng 57,1% so với cùng kỳ;
- Thu khác ngân sách ước thực hiện 165 tỷ đồng, bằng 100% so với dự toán và bằng 85,2% so với cùng kỳ;
- Thu tại xã ước thực hiện 25 tỷ đồng, bằng 100% so với dự toán và bằng 79,8% so với cùng kỳ;
- Thuế cấp quyền khai thác khoáng sản ước thực hiện 35 tỷ đồng, vượt 59,1% so với dự toán;

Các khoản thu không đạt dự toán:

- DNNN địa phương ước thực hiện 3.800 tỷ đồng, bằng 91,3% so với dự toán, trong đó Tổng công ty Khánh Việt 3.300 tỷ đồng, bằng 96,2% so với dự toán và các doanh nghiệp còn lại 500 tỷ đồng, bằng 68,5% so với dự toán;
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp ước thực hiện 12 tỷ đồng, bằng 86% so với dự toán, bằng 83,3% so với cùng kỳ;
- Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế ước thực hiện 210 tỷ đồng, bằng 60% so với dự toán và bằng 66,8% so với cùng kỳ.

Theo số ước nói trên có 03 khoản thu không hoàn thành dự toán: thu DNNN địa phương (91,3%); thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế (60%); thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (86%), số hụt thu dự toán 502 tỷ đồng (DNNN địa phương hụt thu 360 tỷ đồng do Tổng Công ty Khánh Việt hụt thu 130 tỷ đồng và các doanh nghiệp còn lại hụt thu 230 tỷ đồng, thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế hụt thu 140 tỷ đồng và hụt thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp 2 tỷ đồng). Tuy nhiên do một số khoản thu tăng như: DN có vốn đầu tư nước ngoài 35 tỷ đồng; thu từ khu vực CTN ngoài quốc doanh 180 tỷ đồng; thu tiền cho thuê mặt đất mặt nước 237 tỷ đồng, thu thuế thu nhập cá nhân 50 tỷ đồng và một số khoản thu khác đã đảm bảo thu NSNN năm

2016 vượt 1,8% so với dự toán đã được Chính phủ, Bộ Tài chính giao và HĐND tỉnh thông qua.

II. Về chi ngân sách địa phương: ước thực hiện chi NSDP 6 tháng cuối năm 6.670 tỷ đồng, ước cả năm 11.886 tỷ đồng, tăng 26% so với dự toán, trong đó:

1. Chi ngoài cân đối ngân sách:

1.1. Chi đầu tư phát triển: ước 6 tháng cuối năm 2.122 tỷ đồng, ước cả năm 4.187 tỷ đồng, tăng 83% so với dự toán, số tăng chi đầu tư chủ yếu do bổ sung từ các nguồn ngoài dự toán. Cụ thể:

a) Chi đầu tư phát triển từ dự toán: ước thực hiện 6 tháng cuối năm 1.222 tỷ đồng, ước cả năm 2.109 tỷ đồng, bằng 92% dự toán, trong đó:

- Chi đầu tư từ nguồn vốn trong nước phân cấp: ước thực hiện 6 tháng cuối năm 426 tỷ đồng, ước cả năm 809 tỷ đồng, bằng 100% dự toán;

- Chi đầu tư từ nguồn vốn ngoài nước: ước thực hiện 6 tháng cuối năm 7 tỷ đồng, ước cả năm 7 tỷ đồng, bằng 72% dự toán (do giảm bổ sung từ nguồn vốn ngoài nước và tăng bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương đối với dự án ứng phó biến đổi khí hậu TP Nha Trang 2,7 tỷ đồng);

- Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất: ước thực hiện 6 tháng cuối năm 455 tỷ đồng, ước cả năm 839 tỷ đồng, bằng 81% dự toán. Số chi giảm do số thu tiền sử dụng đất giảm 180 tỷ đồng (giảm chi đầu tư tương ứng) và giảm ghi thu - ghi chi tiền sử dụng đất để tăng chi trả nợ 15 tỷ đồng;

- Chi đầu tư từ nguồn bổ sung có mục tiêu NS Trung ương: ước thực hiện 6 tháng cuối năm 334 tỷ đồng, ước cả năm 453 tỷ đồng, bằng 103,6% so với dự toán (do NSTW bổ sung tăng 12,7 tỷ đồng để thực hiện dự án chống xói lở bờ suối thôn Tân Hiệp, xã Cam Phước Đông, TP Cam Ranh 5 tỷ đồng và dự án xử lý khắc phục sạt lở bờ sông Tô Hạp, đoạn qua thị trấn Tô Hạp, huyện Khánh Sơn 5 tỷ đồng, dự án ứng phó biến đổi khí hậu TP Nha Trang 2,7 tỷ đồng đồng thời giảm số bổ sung có mục tiêu so với dự toán đầu năm 12 tỷ đồng (437,3 tỷ đồng – 425,3 tỷ đồng)).

b) Chi đầu tư từ các nguồn bổ sung ngoài dự toán: ước thực hiện 6 tháng cuối năm 900 tỷ đồng, ước cả năm 2.078 tỷ đồng:

- Từ nguồn vay KBNN: ước thực hiện 6 tháng cuối năm 390 tỷ đồng, ước cả năm 390 tỷ đồng để thực hiện 03 dự án: Đường Nha Trang đi Đà Lạt, đoạn Nha Trang - Diên Khánh (Cao Bá Quát - Cầu Lùng) 186 tỷ đồng; Dự án Đường Phong Châu, thành phố Nha Trang 150 tỷ đồng và Hệ thống thoát lũ từ Cầu Phú Vinh đến đầu Sông Tắc 54 tỷ đồng;

- Từ nguồn chuyển nguồn ngân sách năm 2015 sang năm 2016: ước thực hiện 6 tháng cuối năm 331 tỷ đồng, ước thực hiện cả năm 1.432 tỷ đồng;

- Ghi thu tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, ghi chi bồi thường, giải phóng mặt bằng ước cả năm 39 tỷ đồng;

- Từ nguồn vốn đầu tư khác: ước thực hiện 6 tháng cuối năm 179 tỷ đồng, ước cả năm 218 tỷ đồng, trong đó:

+ Nguồn thu tiền sử dụng đất các dự án 168 tỷ đồng (*dự án Khu khách sạn và căn hộ cao cấp Oceanus 152 tỷ đồng, dự án tại khu đất số 8 Hoàng Hoa Thám 6 tỷ đồng, dự án tại khu đất bến xe liên tỉnh phía Nam cũ 10 tỷ đồng*);

+ Nguồn thu tiền thuê đất của các nhà đầu tư 14 tỷ đồng (*dự án Công viên cây xanh cuối tuyến N2 KDL Bắc bán đảo Cam Ranh 1 tỷ đồng, dự án Nhà nghỉ dưỡng 378-BCA, nhà nguyện Vĩnh Hải, công viên cây xanh X2 là 13 tỷ đồng*);

+ Nguồn khác của ngân sách huyện 36 tỷ đồng.

1.2. Chi thường xuyên: ước 6 tháng cuối năm chi 3.088 tỷ đồng, ước cả năm 5.307 tỷ đồng, tăng 2% so với dự toán. Do số thu không đạt dự toán, vì vậy phải giảm chi tương ứng 127 tỷ đồng (*giảm trong dự toán chi chưa phân bổ 180 tỷ đồng được bố trí từ dự toán thu giao thêm của Bộ Tài chính*). Các khoản chi tăng 6 tháng cuối năm chủ yếu do bổ sung các chính sách an sinh xã hội còn thiếu so với dự toán đã bố trí đầu năm; bổ sung kinh phí thực hiện diễn tập (diễn tập phòng thủ cấp tỉnh, diễn tập phòng thủ cấp huyện (Vạn Ninh), diễn tập phòng chống lụt bão (thị xã Ninh Hòa), diễn tập phương án chữa cháy và cứu nạn cứu hộ của Cảnh sát PCCC); bổ sung để thu hồi tạm ứng, ứng trước kinh phí bồi thường, giải tỏa và một số khoản tạm ứng khác.

b1) Dự toán đầu năm 2016	:	5.191 tỷ đồng
- Trừ tiết kiệm thực hiện CCTL	:	201 tỷ đồng
b2) Dự toán còn lại	:	4.990 tỷ đồng
b3) Nhu cầu chi năm 2015	:	5.307 tỷ đồng
b4) Chênh lệch tăng	:	317 tỷ đồng
- Các khoản đã bố trí bổ sung 6 tháng đầu năm	:	130 tỷ đồng
+ <i>Bổ sung các nội dung ngoài dự toán</i>	:	130 tỷ đồng
- Các khoản bố trí trong 6 tháng cuối năm	:	187 tỷ đồng
+ Kinh phí diễn tập	:	19 tỷ đồng
+ Bổ sung từ nguồn tăng thu để thu hồi tạm ứng	:	33 tỷ đồng
++ <i>Tạm ứng kinh phí hoạt động quản lý cho</i>	:	<i>4 tỷ đồng</i>
<i>BQLDA phát triển tỉnh Khánh Hòa (Dự án môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiểu dự án thành phố Nha Trang)</i>		
++ <i>Tạm ứng chi phí lập đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đô thị - Trung tâm hành chính tỉnh</i>	:	<i>2 tỷ đồng</i>
++ <i>Kinh phí tổ chức Festival Nhà thiếu nhi toàn quốc lần thứ VI - Khánh Hòa 2016</i>	:	<i>2 tỷ đồng</i>
++ <i>Kinh phí thực hiện khảo sát, lập nhiệm vụ quy hoạch cho BQLPT tỉnh Khánh Hòa</i>	:	<i>2 tỷ đồng</i>

++ Tam ứng kinh phí hoạt động và mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác di dời trụ sở cho Trường Chính trị	2 tỷ đồng
++ Kinh phí hoạt động, mua sắm trang thiết bị làm việc, sửa chữa trụ sở cho Trung tâm Công tác xã hội (Sở LĐTB-XH)	1 tỷ đồng
++ Kinh phí di dời trụ sở Chi cục thuế Nha Trang:	3 tỷ đồng
++ Kinh phí lắp đặt, trang bị camera hải quan tại Cảng sân bay quốc tế Cam Ranh cho Cục Hải quan	1 tỷ đồng
++ Quy hoạch chi tiết, cắm mốc các tuyến đường chính xã Cam Phước Đông, Cam Thịnh Tây	2 tỷ đồng
++ Kinh phí bù số thu điều tiết 7 tháng cuối năm 2015 đối với khoản thu thuế GTGT, TNDN, TTĐB của 17 doanh nghiệp ngoài quốc doanh chuyển về Cục thuế quản lý thu	8 tỷ đồng
++ Kinh phí duy trì cây xanh và điện chiếu sáng công cộng tại khu TĐC Ninh Thủy	2 tỷ đồng
++ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đô thị mới Thị trấn Khánh Vĩnh	4 tỷ đồng
+ Bổ sung thực hiện chính sách an sinh xã hội	168 tỷ đồng
+ Chi từ nguồn dự phòng ngân sách cấp huyện	36 tỷ đồng
+ Chi kinh phí chuyển nguồn tự chủ của các đơn vị:	57 tỷ đồng
+ Một số nội dung khác	2 tỷ đồng
+ Giảm chi do hụt thu 2016	- 128 tỷ đồng

3. Nguồn xử lý các khoản tăng chi:

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Nội dung chi	Thực hiện 6 tháng đầu năm	Ước chi 6 tháng cuối năm	Ước cả năm 2016
	Tổng số	130	187	317
1	Nguồn dự phòng ngân sách các cấp	51	135	186
2	Nguồn cải cách tiền lương	1		1
3	Nguồn ngân sách trung ương bổ sung	56	84	140
4	Nguồn CN năm 2015 sang 2016	2	63	65
5	Nguồn tăng thu năm 2015	12	31	43
6	Nguồn tăng thu năm 2016		-128	-128

STT	Nội dung chi	Thực hiện 6 tháng đầu năm	Ước chi 6 tháng cuối năm	Ước cả năm 2016
7	Nguồn kết dư năm 2015	7	2	9
8	Nguồn ngân sách cấp dưới nộp lên	1		1

2. Chi ngoài cân đối ngân sách: ước thực hiện 6 tháng cuối năm 162 tỷ đồng. Ước thực hiện cả năm 209 tỷ đồng, tăng 9% so với dự toán, số tăng do bổ sung chi từ nguồn chuyển nguồn 7,5 tỷ đồng và bổ sung từ nguồn tăng thu dự toán 10 tỷ đồng.

3. Chi trả nợ vốn vay: ước 6 tháng cuối năm 331,8 tỷ đồng, ước cả năm 1.215 tỷ đồng, tăng 4% so với dự toán, cụ thể:

+ Trả lãi vay	:	12.500 triệu đồng
+ Trả nợ gốc vay Kho bạc Nhà nước	:	1.050.000 triệu đồng
++ DA đường Cao Bá Quát – Cầu Lùng	:	455.000 triệu đồng
++ DA đường Phong Châu	:	180.000 triệu đồng
++ Hệ thống thoát lũ từ Cầu Phú Vinh đến đầu Sông Tắc	:	15.000 triệu đồng
++ DA đường cất hạ cánh số 2 - Cảng Hàng không quốc tế Cam Ranh	:	400.000 triệu đồng
+ Trả nợ vay Dự án VSMT DH Miền Trung	:	1.000 triệu đồng
+ Trả nợ Chương trình KCHKM & GTNT	:	107.500 triệu đồng
+ Ghi thu tiền sử dụng đất và tiền thu đất, đồng thời ghi chi trả nợ nhà đầu tư	:	76.396 triệu đồng
++ GTGC trả nợ tiền ứng trước tiền thuê đất cho Công ty CP Đầu tư Dầu khí Nha Trang	:	15.757 triệu đồng
++ GTGC trả nợ tiền ứng trước tiền thuê đất cho Công ty TNHH Hồng Hà Cam Ranh	:	161 triệu đồng
++ GTGC trả nợ tiền ứng trước tiền thuê đất cho Cty TNHH KDL Vịnh Thiên Đường	:	539 triệu đồng
++ GTGC trả nợ tiền sử dụng đất cho Cty Cổ phần Sài Gòn – Cam Ranh	:	14.741 triệu đồng
++ Ghi thu tiền thuê đất và ghi chi trả nợ nhà đầu tư	:	45.189 triệu đồng

4. Chi từ nguồn dự phòng ngân sách: dự phòng NSDP 6 tháng cuối năm ước thực hiện 135,2 tỷ đồng (NS cấp tỉnh 99,4 tỷ đồng, NS huyện 35,8 tỷ đồng), cả năm ước bằng 100% so với dự toán. Cụ thể:

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Nội dung chi	Thực hiện 6 tháng đầu năm	Ước chi 6 tháng cuối năm	Ước cả năm 2016
	Tổng số	55,4	135,2	190,6
I	Cấp tỉnh	31,2	99,4	130,6
1	Chi thực hiện chính sách an sinh xã hội	16	84	100
2	Chi công tác phòng chống dịch bệnh, thiên tai, hỏa hoạn	11		11
3	Chi an ninh, quốc phòng	0,2	13,4	13,6
4	Chi các nội dung cấp bách khác	4	2	6
II	Cấp huyện	24,2	35,8	60
1	Chi thực hiện chính sách an sinh xã hội	10		10
2	Chi công tác phòng chống dịch bệnh, thiên tai, hỏa hoạn	2,7	20	22,7
3	Chi an ninh, quốc phòng	0,6	10	10,6
4	Chi các nội dung cấp bách khác	10,9	5,8	16,7

(Chi tiết theo phụ lục 4 đính kèm)

5. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính: ước thực hiện cả năm 1,170 tỷ đồng, bằng 100% so với dự toán.

III. Báo cáo hực thu ngân sách cấp tỉnh và phương án xử lý:

Đơn vị: tỷ đồng

Nội dung	Dự toán	Thực hiện	Chênh lệch
I. Thu ngân sách nhà nước:	13.872	14.099	227
1. Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	3.175	3.200	25
2. Thu nội địa	10.697	10.899	202
II. Thu NSDP được hưởng	8.513	8.607	94
1. Ghi thu - ghi chi tiền thuê đất			62
2. Quỹ phát triển nhà ở			1
3. Tăng thu tiền sử dụng đất			100
4. Nguồn thực hiện CCTL			- 45
5. Số hực thu			- 24

Chi tiết chênh lệch các cấp ngân sách địa phương như sau:

Đơn vị: tỷ đồng

Nội dung	NSDP	NS cấp tỉnh	NS huyện
Tổng số	94	-372	466
1. Ghi thu - ghi chi tiền thuê đất	62	62	
2. Quỹ phát triển nhà ở	1	1	

Nội dung	NSDP	NS cấp tỉnh	NS huyện
Tổng số	94	-372	466
3. Điều chỉnh tăng giảm nguồn CCTL	-45	-127	82
4. Tăng giảm tiền sử dụng đất	100	-180	280
5. Số tăng giảm dự toán còn lại	-24	-128	104

Phương án xử lý:

- Đối với ngân sách cấp tỉnh: điều chỉnh giảm chi đầu tư từ nguồn tiền sử dụng đất 180 tỷ đồng. Đối với chi thường xuyên hụt 128 tỷ đồng, không thực hiện phân bổ khoản NSDP được hưởng 170 tỷ đồng từ nguồn thu NSNN trên địa bàn Bộ Tài chính giao thêm 220 tỷ đồng.

- Đối với ngân sách huyện: sử dụng nguồn tăng thu để xử lý một số nhiệm vụ chi phát sinh trên địa bàn nhằm giảm áp lực cho ngân sách cấp tỉnh.

V. Phương án cân đối NSDP năm 2016:

1. Tổng thu cân đối ngân sách địa phương	:	11.885 tỷ đồng
- Các khoản thu hưởng 100%	:	2.543 tỷ đồng
- Các khoản thu theo tỷ lệ phân chia	:	6.065 tỷ đồng
- Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương	:	909 tỷ đồng
- Nguồn thực hiện CCTL	:	1 tỷ đồng
- Nguồn kết dư	:	9 tỷ đồng
- Nguồn tăng thu năm 2015	:	118 tỷ đồng
- Nguồn chuyển nguồn 2015 sang 2016	:	1.422 tỷ đồng
- Nguồn thu khác cấp huyện	:	31 tỷ đồng
- Nguồn thu tiền sử dụng đất của nhà đầu tư	:	16 tỷ đồng
- Nguồn thu tiền thuê đất của nhà đầu tư	:	20 tỷ đồng
- Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên	:	152 tỷ đồng
- Thu vay theo K3, Đ8 Luật NSNN	:	390 tỷ đồng
- Thu ngoài cân đối	:	209 tỷ đồng
2. Tổng chi cân đối ngân sách địa phương	:	11.885 tỷ đồng
- Chi đầu tư phát triển	:	4.187 tỷ đồng
- Chi thường xuyên	:	5.307 tỷ đồng
- Chi trả nợ vốn vay	:	1.215 tỷ đồng
- Chi bổ sung Quỹ DTTC	:	1 tỷ đồng
- Chi tạo nguồn CCTL	:	580 tỷ đồng
- Bố trí chi từ nguồn tăng thu NS năm 2015	:	386 tỷ đồng
- Chi ngoài cân đối	:	209 tỷ đồng

VI. Giải pháp điều hành ngân sách 6 tháng cuối năm:

Nhiệm vụ ngân sách 6 tháng cuối năm là hết sức khó khăn, đòi hỏi các cấp ủy đảng, các cấp chính quyền và các ngành phải tập trung quyết liệt nhằm tăng cường công tác thu ngân sách, bên cạnh đó phải đảm bảo sử dụng vốn ngân sách hết sức tiết kiệm và hiệu quả, góp phần thực hiện ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội. Với quyết tâm hoàn thành và hoàn thành vượt mức nhiệm vụ tài chính ngân sách đã được HĐND tỉnh thông qua, tạo đà thuận lợi bước vào năm 2017, năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách 2017 - 2020, UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo các ngành tập trung triển khai thực hiện một số nhiệm vụ trong 6 tháng cuối năm như sau:

- Cục Hải quan và Cục Thuế tỉnh cần đẩy mạnh công tác quản lý và khai thác triển để các khoản thu không thường xuyên và tăng cường kiểm tra đối với các khoản thu thuế khoáng đối với hộ cá nhân nhằm đảm bảo việc quản lý thuế đúng chính sách và công bằng. Tập trung thực hiện cải cách hành chính trong lĩnh vực thuế, lĩnh vực hải quan tạo điều kiện thuận lợi hỗ trợ các tổ chức, cá nhân nộp thuế theo quy định pháp luật. Bên cạnh đó, cần đẩy mạnh việc xử lý thu hồi giảm nợ đọng thuế, phấn đấu đến cuối năm 2016 giảm số nợ thuế dưới mức 2% tổng thu NSNN đối với ngành Hải quan và dưới mức 3,5% tổng thu NSNN đối với ngành Thuế.

- UBND các huyện, thị xã, thành phố cần có những biện pháp chặt chẽ trong việc điều hành ngân sách, triệt để tiết kiệm chi thường xuyên; chủ động sử dụng nguồn dự phòng của cấp mình và các nguồn lực hợp pháp khác của địa phương để xử lý các nhiệm vụ chi cấp bách phát sinh, tránh sự trông chờ ỷ lại từ ngân sách cấp trên; giảm tối đa kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo khánh tiết; hạn chế bố trí kinh phí đi nghiên cứu, khảo sát nước ngoài. Trong quá trình điều hành ngân sách, nếu xảy ra thiếu hụt tạm thời, phải chủ động giãn tiến độ hoặc tạm dừng một số nhiệm vụ chi chưa thực sự cấp bách. Đảm bảo nguồn lực thực hiện các chính sách an sinh xã hội, nhất là các khoản chi cho con người để đảm bảo chi đúng đối tượng, đúng thời gian theo quy định. Trong 6 tháng cuối năm tạm giữ lại 50% nguồn dự phòng ngân sách cấp huyện và cấp xã để chủ động xử lý khi nguồn thu ngân sách giảm lớn. Đối với số thu tiền sử dụng đất, trường hợp số thu giảm so với dự toán thì thực hiện cắt giảm, hoặc giãn tiến độ của công trình, dự án được bố trí chi từ nguồn này.

- Kho bạc Nhà nước các cấp phải tăng cường công tác quản lý, kiểm soát chi; chịu trách nhiệm trong việc giải ngân, thanh toán vốn cho các chủ đầu tư. Chủ động lập kế hoạch nguồn vốn, kế hoạch chi trả, thanh toán đảm bảo đầy đủ, kịp thời yêu cầu nhiệm vụ chi theo phương án điều hành ngân sách hàng quý của cơ quan tài chính cùng cấp; ưu tiên nguồn vốn chi cho các khoản thanh toán cho con người (lương, phụ cấp, trợ cấp xã hội,...) và các khoản chi cho công tác an sinh xã hội.

- Ngành Tài chính quản lý chi chặt chẽ trong phạm vi dự toán được giao. Rà soát, sắp xếp các nhiệm vụ chi ngân sách để tránh trùng lặp không hiệu quả, chỉ tham mưu cấp có thẩm quyền bổ sung ngoài dự toán, tạm ứng, ứng trước dự toán đối với các nhiệm vụ chi thực sự cấp bách và phải có nguồn cân đối đảm bảo. Nguồn dự phòng ngân sách các cấp tập trung cho các nhiệm vụ cấp bách như:

phòng chống khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, an ninh quốc phòng và một số nhiệm vụ cấp bách không thể trì hoãn. Đẩy mạnh việc thanh toán các nhiệm vụ chi từ các nguồn chuyển nguồn dự toán năm 2015 sang năm 2016, rà soát các khoản bổ sung từ ngân sách cấp trên nhưng không còn nhiệm vụ chi và thực hiện việc hoàn trả. Rà soát lại nguồn và nhu cầu để thực hiện cải cách tiền lương trong đó lưu ý xác định chính xác số biên chế được cấp có thẩm quyền giao, số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo, mức lương cơ bản theo ngạch, bậc, chức vụ, phụ cấp lương, các khoản đóng góp và nguồn thực tế sử dụng để thực hiện cải cách tiền lương...

Đề chuẩn bị cho công tác xây dựng dự toán năm 2017 và giai đoạn 2017-2020, đề nghị UBND các huyện, thị xã, thành phố, Giám đốc các Sở, ban, ngành quan tâm chỉ đạo một số nội dung sau đây:

- Xác định cụ thể nhu cầu thực hiện tiền lương đến thời điểm 31/7/2016 (trong đó xác định biên chế được cấp có thẩm quyền phê duyệt, biên được giao nhưng chưa tuyển, hợp đồng 68, xác định chính xác lương và các khoản phụ cấp, các khoản đóng góp).

- Xác định đối tượng đang thực hiện dự toán năm 2016, số tăng giảm đối tượng trong quá trình thực hiện dự toán đến 31/7/2016;

- Rà soát lại các chính sách, chế độ đang thực hiện đến thời điểm 31/5/2016, đánh giá lại chế độ nào còn phù hợp, chế độ nào không còn phù hợp, mang tính chông chéo (kiến nghị hủy bỏ), đối với những chế độ đang áp dụng, rà soát lại dự toán đã bố trí xác định số thừa thiếu so với nhu cầu

Phát huy kết quả đạt được trong 6 tháng đầu năm, UBND tỉnh tin tưởng rằng dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, sự giám sát chặt chẽ của Hội đồng nhân dân tỉnh, sự chỉ đạo tích cực của UBND các cấp và sự phối hợp hỗ trợ của các ngành và các cơ quan Trung ương trên địa bàn, toàn tỉnh sẽ hoàn thành tốt nhiệm vụ ngân sách được Chính Phủ giao năm 2016./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- CT và các PTC UBND tỉnh;
- Phòng Tổng hợp;
- Lưu: VT, HB, HILE, QN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Sơn Hải

ƯỚC THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU NSNN NĂM 2016

(Kèm theo báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2016 của UBND tỉnh)

Đơn vị: triệu đồng

NỘI DUNG	Thực hiện năm 2015			Dự toán 2016		Thực hiện năm 2016						SS % ƯTH năm 2016		
	6 tháng	Cả năm	DTTW	DTĐP	Thực hiện 6 tháng đầu năm	SS Ước 6 tháng với			Ước 6 tháng cuối năm	ƯTH cả năm	TW	ĐP	Cùng kỳ	
						TW	ĐP	Cùng kỳ						
														10
1	2	3	4	5		10	11	12	13	15	19	20	21	
TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN (A+B)	6.135.830	13.569.504	13.403.000	13.872.000	8.352.343	62,3	60,2	136,1	5.746.657	14.099.000	105,2	101,6	103,9	
A. CÁC KHOẢN THU CÁN ĐỐI NSNN (I+II)	6.016.117	13.358.228	13.403.000	13.680.000	8.229.428	61,4	60,2	136,8	5.660.572	13.890.000	103,6	101,5	104,9	
I. Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	1.443.152	3.499.134	2.898.000	3.175.000	2.257.805	77,9	71,1	156,4	942.195	3.200.000	110,4	100,8	91,5	
- Thuế XK, NK, TTĐB hàng hóa NK	996.423	2.107.427	1.554.000	2.017.000	1.342.010	86,4	66,5	134,7	557.990	1.900.000	122,3	94,2	90,2	
- Thuế GTGT hàng hóa nhập khẩu	446.729	1.265.265	1.344.000	1.158.000	850.829	63,3	73,5	190,5	348.471	1.199.300	89,2	103,6	94,8	
- Thuế bảo vệ môi trường		126.072			64.678				35.322	100.000			79,3	
- Thu khác		370			288				412	700			189,2	
II. Thu từ sản xuất kinh doanh trong nước	4.572.965	9.859.094	10.505.000	10.505.000	5.971.623	56,8	56,8	130,6	4.718.377	10.690.000	101,8	101,8	108,4	
- Thu từ SXKD trong nước không kể tiền SD đất và các khoản ghi thu, ghi chi	3.888.165	8.553.537	9.405.000	9.405.000	5.288.486	56,2	56,2	136,0	4.139.114	9.427.600	100,2	100,2	110,2	
1. Thu từ DNNN Trung ương	211.294	461.338	480.000	480.000	228.978	47,7	47,7	108,4	251.022	480.000	100,0	100,0	104,0	
- Thuế giá trị gia tăng	161.719	343.743	364.000	364.000	173.229	47,6	47,6	107,1	191.071	364.300	100,1	100,1	106,0	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	42.164	104.468	100.000	100.000	46.790	46,8	46,8	111,0	50.210	97.000	97,0	97,0	92,9	
- Thuế tài nguyên	5.882	10.403	13.200	13.200	7.757	58,8	58,8	131,9	8.643	16.400	124,2	124,2	157,6	
- Thuế môn bài	437	448	450	450	455	101,1	101,1	104,1	5	460	102,2	102,2	102,7	
- Thu hồi vốn và thu khác	1.092	2.276	2.350	2.350	747	31,8	31,8	68,4	1.093	1.840	78,3	78,3	80,8	
2. Thu từ DNNN địa phương	1.853.160	3.759.795	4.160.000	4.160.000	1.821.880	43,8	43,8	98,3	1.978.120	3.800.000	91,3	91,3	101,1	
<i>Trong đó: - Tổng công ty Khánh Việt</i>	<i>1.648.179</i>	<i>3.310.571</i>	<i>3.430.000</i>	<i>3.430.000</i>	<i>1.593.129</i>	<i>46,4</i>	<i>46,4</i>	<i>96,7</i>	<i>1.706.871</i>	<i>3.300.000</i>	<i>96,2</i>	<i>96,2</i>	<i>99,7</i>	
<i>- Các doanh nghiệp còn lại</i>	<i>204.981</i>	<i>449.224</i>	<i>730.000</i>	<i>730.000</i>	<i>228.751</i>	<i>31,3</i>	<i>31,3</i>	<i>111,6</i>	<i>271.249</i>	<i>500.000</i>	<i>68,5</i>	<i>68,5</i>	<i>111,3</i>	
- Thuế giá trị gia tăng	375.245	728.751	798.000	798.000	347.695	43,6	43,6	92,7	348.305	696.000	87,2	87,2	95,5	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	162.100	305.744	358.000	358.000	142.248	39,7	39,7	87,8	137.752	280.000	78,2	78,2	91,6	
- Thuế TTĐB hàng hóa, DV trong nước	1.305.738	2.684.788	2.980.000	2.980.000	1.317.713	44,2	44,2	100,9	1.482.287	2.800.000	94,0	94,0	104,3	
- Thuế tài nguyên	8.849	37.728	22.000	22.000	13.051	59,3	59,3	147,5	8.949	22.000	100,0	100,0	58,3	
- Thuế môn bài	386	420	400	400	370	92,5	92,5	95,9	30	400	100,0	100,0	95,2	
- Thu hồi vốn và thu khác	842	2.364	1.600	1.600	803	50,2	50,2	95,4	797	1.600	100,0	100,0	67,7	
3. Thu từ DN có vốn đầu tư nước ngoài	117.379	257.901	265.000	265.000	182.839	69,0	69,0	155,8	117.161	300.000	113,2	113,2	116,3	
- Thuế giá trị gia tăng	57.533	127.340	127.000	127.000	80.020	63,0	63,0	139,1	63.880	143.900	113,3	113,3	113,0	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	40.274	90.648	100.000	100.000	65.225	65,2	65,2	162,0	32.275	97.500	97,5	97,5	107,6	

NỘI DUNG	Thực hiện năm 2015		Dự toán 2016		Thực hiện năm 2016							SS %, U'TH năm 2016		
	6 tháng	Cả năm	DTTW	DTDP	Thực hiện 6 tháng đầu năm	SS Ước 6 tháng với			Ước 6 tháng cuối năm	U'TH cả năm	TW	ĐP	Cùng kỳ	
						TW	ĐP	Cùng kỳ						
- Thuế TTDB hàng hóa DV trong nước	13.075	27.398	27.000	27.000	15.147	56,1	56,1	115,8	11.753	26.900	99,6	99,6	98,2	
- Thuế tài nguyên	1.932	4.963	3.500	3.500	3.203	91,5	91,5	165,8	3.097	6.300	180,0	180,0	126,9	
- Tiền thuế mặt đất, mặt nước	3.539	4.332	3.900	3.900	2.653	68,0	68,0	75,0	297	2.950	75,6	75,6	68,1	
- Thuế môn bài	223	235	230	230	250	108,7	108,7	112,1	0	250	108,7	108,7	106,4	
- Các khoản thu khác	803	2.985	3.370	3.370	16.341	484,9	484,9	2.035,0	5.859	22.200	658,8	658,8	743,7	
4. Thu từ KV CTN ngoài quốc doanh	853.830	1.957.803	2.240.000	2.240.000	1.597.060	71,3	71,3	187,0	822.940	2.420.000	108,0	108,0	123,6	
- Thuế giá trị gia tăng	582.176	1.316.599	1.660.000	1.660.000	919.532	55,4	55,4	157,9	668.468	1.588.000	95,7	95,7	120,6	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	181.264	475.950	417.000	417.000	565.107	135,5	135,5	311,8	101.493	666.600	159,9	159,9	140,1	
- Thuế TTDB hàng hóa DV trong nước	13.712	27.543	31.000	31.000	18.061	58,3	58,3	131,7	12.239	30.300	97,7	97,7	110,0	
- Thuế tài nguyên	21.290	48.993	46.000	46.000	23.422	50,9	50,9	110,0	14.778	38.200	83,0	83,0	78,0	
- Thuế môn bài	28.810	31.123	30.000	30.000	30.535	101,8	101,8	106,0	1.465	32.000	106,7	106,7	102,8	
- Thu khác ngoài quốc doanh	26.578	57.595	56.000	56.000	40.403	72,1	72,1	152,0	24.497	64.900	115,9	115,9	112,7	
5. Lệ phí trước bạ	123.050	273.587	290.000	290.000	159.274	54,9	54,9	129,4	130.726	290.000	100,0	100,0	106,0	
6. Thuế sử dụng đất nông nghiệp	537	757	700	700	360	51,4	51,4	67,0	340	700	100,0	100,0	92,5	
7. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	9.094	14.773	14.300	14.300	8.332	58,3	58,3	91,6	3.968	12.300	86,0	86,0	83,3	
8. Thuế thu nhập cá nhân	236.004	417.972	500.000	500.000	293.781	58,8	58,8	124,5	256.219	550.000	110,0	110,0	131,6	
9. Thu thuế bảo vệ môi trường	115.971	385.213	530.000	530.000	287.364	54,2	54,2	247,8	248.636	536.000	101,1	101,1	139,1	
10. Thu phí và lệ phí	102.186	272.173	215.000	215.000	181.630	84,5	84,5	177,7	98.370	280.000	130,2	130,2	102,9	
+ <i>Phí BHYT đối với KTKS</i>		<i>35.678</i>	<i>42.000</i>	<i>42.000</i>	<i>15.571</i>	<i>37,1</i>	<i>37,1</i>	<i>0,0</i>	<i>26.429</i>	<i>42.000</i>	<i>100,0</i>	<i>100,0</i>	<i>117,7</i>	
- <i>Phí và lệ phí Trung ương</i>	<i>38.207</i>	<i>138.290</i>	<i>98.525</i>	<i>98.525</i>	<i>117.960</i>	<i>119,7</i>	<i>119,7</i>	<i>308,7</i>	<i>72.040</i>	<i>190.000</i>	<i>192,8</i>	<i>192,8</i>	<i>137,4</i>	
- <i>Phí và lệ phí Tỉnh</i>	<i>7.205</i>	<i>80.675</i>	<i>42.900</i>	<i>42.900</i>	<i>4.682</i>	<i>10,9</i>	<i>10,9</i>	<i>65,0</i>	<i>5.318</i>	<i>10.000</i>	<i>23,3</i>	<i>23,3</i>	<i>12,4</i>	
- <i>Phí và lệ phí huyện</i>	<i>49.134</i>	<i>34.950</i>	<i>59.530</i>	<i>59.530</i>	<i>52.905</i>	<i>88,9</i>	<i>88,9</i>	<i>107,7</i>	<i>12.095</i>	<i>65.000</i>	<i>109,2</i>	<i>109,2</i>	<i>186,0</i>	
- <i>Phí và lệ phí xã</i>	<i>7.640</i>	<i>18.258</i>	<i>14.045</i>	<i>14.045</i>	<i>6.083</i>	<i>43,3</i>	<i>43,3</i>	<i>79,6</i>	<i>8.917</i>	<i>15.000</i>	<i>106,8</i>	<i>106,8</i>	<i>82,2</i>	
11. Tiền sử dụng đất	680.338	1.301.095	1.100.000	1.100.000	627.784	57,1	57,1	92,3	572.216	1.200.000	109,1	109,1	92,2	
- Số liệu ghi thu ghi chi	207.329	350.620	280.000	280.000	226.391				53.609	280.000			79,9	
- Thu phát sinh	473.009	950.475	1.100.000	820.000	401.393	36,5	49,0	84,9	518.607	920.000	83,6	112,2	96,8	
+ <i>Ngân sách cấp tỉnh thu</i>	<i>352.548</i>	<i>639.096</i>	<i>930.930</i>	<i>650.930</i>	<i>211.039</i>	<i>22,7</i>	<i>32,4</i>	<i>59,9</i>	<i>238.961</i>	<i>450.000</i>	<i>48,3</i>	<i>69,1</i>	<i>70,4</i>	
+ <i>Ngân sách cấp huyện thu</i>	<i>120.461</i>	<i>311.379</i>	<i>169.070</i>	<i>169.070</i>	<i>190.354</i>	<i>112,6</i>	<i>112,6</i>	<i>158,0</i>	<i>279.646</i>	<i>470.000</i>	<i>278,0</i>	<i>278,0</i>	<i>150,9</i>	
12. Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	80.991	206.621	143.000	143.000	283.649	198,4	198,4	350,2	96.351	380.000	265,7	265,7	183,9	
- Số liệu ghi thu ghi chi	4.462	4.462			55.533				7.047	62.400			1.398,5	
- Thu phát sinh	76.529	202.159	143.000	143.000	228.296	159,6	159,6	298,3	89.304	317.600	222,1	222,1	157,1	
- Số liệu ghi thu ghi chi	4.489	10.957	5.000	5.000	5.722	114,4	114,4	127,5	278	0			54,8	
- Thu phát sinh	4.489	10.957	5.000	5.000	5.722	114,4	114,4	127,5	278	0			54,8	
+ <i>Ngân sách cấp tỉnh</i>	<i>3.838</i>	<i>8.720</i>	<i>4.900</i>	<i>4.900</i>	<i>5.711</i>	<i>116,6</i>	<i>116,6</i>	<i>148,8</i>		<i>5.989</i>	<i>122,2</i>	<i>122,2</i>	<i>68,7</i>	
+ <i>Ngân sách cấp huyện</i>	<i>651</i>	<i>2.237</i>	<i>100</i>	<i>100</i>	<i>11</i>	<i>11,0</i>	<i>11,0</i>	<i>1,7</i>		<i>11</i>	<i>11,0</i>	<i>11,0</i>	<i>0,5</i>	
14. Thu khác ngân sách:	70.755	193.564	165.000	165.000	72.282	43,8	43,8	102,2	92.718	165.000	100,0	100,0	85,2	
<i>Trong đó: Thu phạt AIGT</i>	<i>26.440</i>	<i>51.331</i>	<i>60.000</i>	<i>60.000</i>	<i>24.307</i>	<i>40,5</i>	<i>40,5</i>	<i>91,9</i>	<i>35.693</i>	<i>60.000</i>	<i>100,0</i>	<i>100,0</i>	<i>116,9</i>	
- <i>Ngân sách trung ương</i>	<i>21.818</i>	<i>44.514</i>	<i>42.000</i>	<i>42.000</i>	<i>20.319</i>	<i>48,4</i>	<i>48,4</i>	<i>93,1</i>	<i>21.681</i>	<i>42.000</i>	<i>100,0</i>	<i>100,0</i>	<i>94,4</i>	

NỘI DUNG	Thực hiện năm 2015		Dự toán 2016		Thực hiện năm 2016					SS % ƯTH năm 2016			
	6 tháng	Cả năm	DTTW	DTDP	Thực hiện 6 tháng đầu năm	SS Ước 6 tháng với			Ước 6 tháng cuối năm	ƯTH cả năm	TW	ĐP	Cùng kỳ
						TW	ĐP	Cùng kỳ					
- Ngân sách cấp tỉnh	32.157	116.036	91.300	91.300	35.040	38,4	109,0	56.260	91.300	100,0	100,0	78,7	
- Ngân sách cấp huyện	16.780	33.014	31.700	31.700	16.923	53,4	100,9	14.777	31.700	100,0	100,0	96,0	
15. Ngân sách cấp xã thu:	11.565	31.309	25.000	25.000	13.309	53,2	115,1	11.691	25.000	100,0	100,0	79,8	
16. Thuế cấp quyền khai thác khoáng sản			22.000	22.000	25.036	113,8	113,8	9.964	35.000	159,1	159,1		
- Trung ương cấp			11.000	11.000	14.144	128,6	128,6	6.856	21.000	190,9	190,9		
- Địa phương cấp			11.000	11.000	10.892			3.108	14.000				
17. Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế	102.322	314.236	350.000	350.000	182.343	52,1	178,2	27.657	210.000	60,0	60,0	66,8	
B. CÁC KHOẢN THU NGOÀI CÁN ĐỐI NSNN	119.713	211.276	0	192.000	122.915		102,7	86.085	209.000		108,9	98,9	
1. Thu xổ số kiến thiết:	115.726	199.245	0	192.000	118.766		102,6	83.234	202.000		105,2	101,4	
- Thuế giá trị gia tăng	31.102	59.088		59.000	32.749			26.251	59.000				
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.178	13.121		11.000	7.592			6.408	14.000				
- Thuế TTĐB hàng hóa DV trong nước	36.011	78.977		78.000	43.614			36.386	80.000				
- Thuế môn bài					10			0	10				
- Thu từ thu nhập sau thuế	41.435	48.059		44.000	34.801			14.189	48.990				
2. Thu khác ngân sách	3.987	12.031	0	0	4.149		104,1	2.851	7.000			58,2	
- Ngân sách trung ương		0											
- Ngân sách cấp tỉnh	72	1.005										0,0	
- Ngân sách cấp huyện	3.915	11.026			4.149		106,0	2.851	7.000			63,5	
- Ngân sách cấp xã	0	80.436	0	0	0			0	0				
C. Các khoản ghi thu, ghi chi													
- Học phí		67.889											
- Các khoản phí, lệ phí		4.119											
- Các khoản thu khác		8.428											
D. TỔNG THU NỘI ĐỊA (II+ B)	4.692.678	10.070.370	10.505.000	10.697.000	6.094.538	58,0	129,9	4.804.462	10.899.000	103,8	101,9	108,2	

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2016
(Kèm theo báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2016 của UBND tỉnh)

Đơn vị: triệu đồng

Nội dung các khoản chi	Dự toán năm 2016				Thực hiện 6 tháng đầu năm				Ước thực hiện 6 tháng cuối năm				Ước thực hiện cả năm				So sánh % TH/DT	
	Tổng số		Bao gồm		Tổng số		Bao gồm		Tổng số		Bao gồm		Tổng số		Bao gồm		Tổng số	Bao gồm NSC NSH
	NSCT	NSH	NSCT	NSH	NSCT	NSH	NSCT	NSH	NSCT	NSH	NSCT	NSH	NSCT	NSH				
Tổng chi ngân sách địa phương (A+B+C)	9.460.691	5.560.385	3.900.306	5.215.248	3.420.256	1.794.992	6.670.464	3.440.560	3.229.904	11.885.712	6.860.816	5.024.896	126	123	129			
A. Tổng chi trong cân đối NSDP (H...VII)	9.268.691	5.368.385	3.900.306	5.167.642	3.372.650	1.794.992	6.508.612	3.278.708	3.229.904	11.676.254	6.651.358	5.024.896	126	124	129			
I. Chi đầu tư phát triển	2.291.274	1.576.111	715.163	2.064.290	1.729.451	334.839	2.122.428	1.382.570	739.858	4.186.718	3.112.021	1.074.697	183	197	150			
I.1. Chi đầu tư phát triển từ dự toán	2.291.274	1.576.111	715.163	886.814	631.225	255.589	1.222.002	683.708	538.294	2.108.816	1.314.933	793.883	92	83	111			
a. Chi XD/CB tập trung	819.067	338.067	481.000	383.023	167.348	215.675	433.377	104.452	328.925	816.400	271.800	544.600	100	80	113			
a. Vốn trong nước	809.400	328.400	481.000	383.023	167.348	215.675	426.377	97.452	328.925	809.400	264.800	544.600	100	81	113			
Trong đó:																		
- ĐC giảm DT NS tỉnh tăng NS huyện Kinh phí địa bàn	15.000	15.000					15.000		15.000	15.000		15.000						
- ĐC giảm DT NS tỉnh tăng NS huyện Chương trình XD	46.000	46.000		40.000			40.000		6.000	46.000		46.000						
- ĐC giảm DT NS tỉnh tăng NS huyện các DA sửa chữa cầu treo	2.600	2.600		2.600			2.600			2.600		2.600						
b. Vốn nước ngoài	9.667	9.667																
2. Chi ĐT từ nguồn tiền sử dụng đất	1.034.907	800.744	234.163	384.751	344.837	39.914	454.578	260.329	194.249	839.329	605.166	234.163	81	76	100			
- Trên địa bàn TP. Nha Trang	685.837	520.744	165.093	153.990	133.187	20.803	351.010	206.720	144.290	505.000	339.907	165.093	74	65	100			
- Trên địa bàn các huyện	69.070	69.070		19.111			49.959		49.959	69.070		69.070						
- Chi thu giữ chi tiền sử dụng đất	280.000	280.000		211.650	211.650		53.609	53.609	53.609	265.259	265.259		95	95				
3. Chi ĐT từ vốn BS mục tiêu NSTU	437.300	437.300		119.040	119.040		334.047	318.927	15.120	453.087	437.967	15.120	103,6	100,2				
I.2. Chi đầu tư từ nguồn bổ sung ngoài dự toán				1.177.476	1.098.226	79.250	900.426	698.862	201.564	2.077.902	1.797.088	280.814						
I.1. Chi từ nguồn vốn vay																		
- Vốn vay kho bạc nhà nước																		
- Vốn vay ngân hàng phát triển																		
2. Vốn chuyển nguồn 2015 sang năm 2016				1.100.241	1.056.800	43.441	331.350	129.786	201.564	1.431.591	1.186.586	245.005						
- Kinh phí địa bàn phụ trách	1.696	1.696		1.696	1.696		1.696	1.696		1.696	1.696							
- Các dự án XD/CB khác	8.550	8.550		666	666		7.884	7.884		8.550	8.550							
- Vốn đầu tư nhà ở xã hội	4.929	4.929		4.929	4.929		4.929	4.929		4.929	4.929							
- Vốn phát triển quỹ đất	3.317	3.317		3.317	3.317		3.317	3.317		3.317	3.317							
- Vốn vay KBNN	1.525	1.525		1.399	1.399		126	126		1.525	1.525							
- Vốn tín dụng ưu đãi	17.123	17.123		3.696	3.696		13.427	13.427		17.123	17.123							
- Vốn bổ sung NSTW	64.046	64.046		6.586	6.586		57.460	57.460		64.046	64.046							
- Vốn KTNN	241	241		241	241		241	241		241	241							
- Nguồn tăng thu tiền SĐĐ cấp tỉnh 2015							74.764	44.007	30.757	74.764	44.007	30.757						
- Vốn tạm ứng tại KBNN tỉnh	1.041.152	1.041.152		1.041.136	1.041.136		16	16		1.041.152	1.041.152							
+ CTMTQG																		
+ Vốn tạm ứng đầu tư	1.041.152	1.041.152		1.041.136	1.041.136		16	16		1.041.152	1.041.152							
- Vốn chuyển nguồn của KBNN huyện				43.441	43.441		170.807	170.807	170.807	214.248	214.248							
+ Tạm ứng				22.958	22.958		22.958	22.958		22.958	22.958							
+ Dự toán				20.483	20.483		170.807	170.807	170.807	191.290	191.290							
3. Ghi thu giữ chi tiền thuê đất				38.896	38.896		38.896	38.896		38.896	38.896							
4. Chi đầu tư từ nguồn khác				35.809	35.809		179.076	179.076	179.076	217.415	181.606	35.809						
- Nguồn thu tiền SĐĐ các DA khác				2.530	2.530		179.076	179.076	179.076	181.606	181.606							
- Nguồn NS huyện khác				35.809	35.809					35.809	35.809							
II. Chi thường xuyên	5.190.866	2.088.385	3.102.481	2.218.766	758.613	1.460.153	3.088.397	1.218.946	1.869.451	5.307.163	1.977.559	3.329.604	102	95	107			

Nội dung các khoản chi	Dự toán năm 2016				Thực hiện 6 tháng đầu năm				Ước thực hiện 6 tháng cuối năm				Ước thực hiện cả năm				So sánh % TH/DT			
	Tổng số	Bao gồm		Tổng số	Bao gồm		Tổng số	Bao gồm		Tổng số	Bao gồm		Tổng số	Bao gồm		Tổng số	Bao gồm			
		NSCT	NSH		NSCT	NSH		NSCT	NSH		NSCT	NSH		NSCT	NSH		NSCT	NSH	NSCT	NSH
1. Trợ giá, trợ cước các mặt hàng chính sách	8.476	6.750	1.726	7.705	4.617	3.088	2.146	2.133	13	9.851	6.750	3.101	116	100	180					
<i>Trong đó:</i>																				
+ Hỗ trợ người dân thuộc hộ nghèo vùng khó khăn theo QĐ 102/2009/QĐ-TTg khi chuẩn nghèo thay đổi				1.375		1.375				1.375		1.375								
2. Chi sự nghiệp kinh tế	613.172	311.627	301.545	207.381	87.026	120.355	553.906	223.570	330.336	761.287	310.596	450.691	124	100	149					
- Chi SN nông, lâm, thủy lợi, thủy sản	141.619	119.869	21.750	82.456	44.028	38.428	233.912	85.721	148.191	316.368	129.749	186.619	223	108	858					
<i>Trong đó:</i>																				
+ KP khác phục vụ quản lý và sản xuất nông nghiệp				17.700	2.040	15.660				17.700	2.040	15.660								
Đông Xuân 2015-2016																				
+ Hỗ trợ các tổ chức, cá nhân và hộ gia đình khai thác hải sản theo Quyết định số 48/2010/QĐ-TTg				27.051		27.051				82.186		82.186								
+ Hỗ trợ giống cây trồng, giống thủy sản khởi phục sản xuất do mua từ năm 2010				7.705		7.705				7.705		7.705								
- Chi SN giao thông	46.500	46.500		32.263	21.614	10.649	29.237	24.886	4.351	61.500	46.500	15.000	132	100						
- Chi SN kinh tế khác	425.053	145.258	279.795	92.662	21.384	71.278	290.757	112.963	177.794	383.419	134.347	249.072	90	92	89					
3. Chi SN môi trường	131.654	20.154	111.500	40.030	3.989	36.041	66.655	12.181	54.474	106.685	16.170	90.515	81	80	81					
4. Chi SN giáo dục đào tạo và dạy nghề	1.967.404	389.110	1.578.294	910.779	178.288	732.491	1.075.249	222.203	853.046	1.986.028	400.491	1.585.537	101	103	100					
- Chi SN giáo dục	1.841.208	268.510	1.572.698	857.087	127.346	729.741	993.562	148.162	845.400	1.850.649	275.508	1.575.141	101	103	100					
<i>Trong đó:</i>																				
+ KP mua sắm trang bị dạy học cho phòng học bộ môn Vật lý của trường THPT chuyên Lê Quý Đôn				5.000		5.000				5.000		5.000								
+ Hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em 3,4 và 5 tuổi theo Quyết định số 60/2011/QĐ-TTg và Quyết định số 239/QĐ-TTg				9.790		9.790			9.790	9.790		9.790								
+ Cấp bù học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 86/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013				30.310		30.310			30.310	30.310		30.310								
- Chi SN đào tạo và dạy nghề	126.196	120.600	5.596	53.692	50.942	2.750	81.687	74.041	7.646	135.379	124.983	10.396	107	104	186					
5. Chi sự nghiệp y tế	548.287	535.804	12.483	217.337	206.096	11.241	373.685	339.204	34.481	591.022	545.300	45.722	108	102	366					
<i>Trong đó:</i>																				
+ Hỗ trợ BHYT học sinh				12.457		12.457				33.233		33.233								
6. Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	25.493	25.493								25.569	24.829	740	100	97						
7. Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	47.376	34.002	13.374	24.551	16.580	7.971	24.528	19.709	4.819	49.079	36.289	12.790	104	107	96					
<i>Trong đó:</i>																				
+ KP tổ chức Festival Nhà thiếu nhi toàn quốc lần thứ VI - Khánh Hòa 2016	800	800					3.000	3.000		3.000	3.000									
8. Chi SN phát thanh truyền hình	12.454		12.454	7.777	487	7.290	4.069	21	4.048	11.846	508	11.338	95	91						
9. Chi SN thể dục thể thao	49.814	41.115	8.699	23.260	18.885	4.375	23.923	20.663	3.260	47.183	39.548	7.635	95	96	88					
10. Chi dân báo xã hội	300.580	48.418	252.162	167.905	31.452	136.453	160.946	18.259	142.687	328.851	49.711	279.140	109	103	111					
<i>Trong đó:</i>																				
+ Hỗ trợ mua gạo trợ cấp cho nhân dân nhân dịp Tết và do ảnh hưởng hạn hán				16.518		16.518				16.518		16.518								
+ Hỗ trợ liên diện hộ nghèo và hộ chính sách							6.954			6.954		6.954								
11. Chi quản lý hành chính	986.081	293.916	692.165	494.536	152.215	342.321	501.222	146.183	355.039	995.758	298.398	697.360	101	102	101					
<i>Trong đó:</i>																				
+ Kinh phí tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2016-2021				29.437		29.437	34		34	29.471		22.480								
- Quản lý nhà nước	796.965	209.295	587.670	346.855	94.980	251.875	433.369	112.379	320.990	780.224	207.599	572.625	98	99	97					
- Chi hoạt động của các cơ quan Đảng	123.298	52.718	70.580	101.190	43.089	58.101	26.145	13.666	12.479	127.335	56.755	70.580	103	108	100					

Nội dung các khoản chi	Dự toán năm 2016			Thực hiện 6 tháng đầu năm			Ước thực hiện 6 tháng cuối năm			Ước thực hiện cả năm			So sánh % TH/DT		
	Tổng số	Bao gồm		Tổng số	Bao gồm		Tổng số	Bao gồm		Tổng số	Bao gồm		Tổng số	Bao gồm	
		NSCT	NSH		NSCT	NSH		NSCT	NSH		NSCT	NSH		NSC	NSH
- Nguồn tăng thu XSKT 2016							10.000	10.000		10.000	10.000				
- Vốn chuyển nguồn							7.458	7.458		7.458	7.458				
2. Chi từ các Khoản thu khác															
C. Các khoản chi được quản lý qua NSNN															
D. Chi chuyển giao	1.957.607	1.957.607		1.186.742	1.186.742		1.183.368	1.183.368		2.370.110	2.370.110		121	121	
1. Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	1.957.607	1.957.607		1.186.742	1.186.742		1.183.368	1.183.368		2.370.110	2.370.110		121	121	
2. Nộp ngân sách cấp trên															
Tổng cộng: A+B+C+D	11.418.298	7.517.992	3.900.306	6.401.990	4.606.998	1.794.992	7.853.832	4.623.928	3.229.904	14.255.822	9.230.926	5.024.896	125	123	129

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2016
(Kèm theo báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2016 của UBND tỉnh)

Nội dung chi ngân sách	Dự toán năm 2016			Ước thực hiện năm 2016			Nội dung chi ngân sách	Dự toán năm 2016			Ước thực hiện năm 2016		
	NSDP	NS cấp tỉnh	NS huyện	NSDP	NS cấp tỉnh	NS huyện		NSDP	NS cấp tỉnh	NS huyện	NSDP	NS cấp tỉnh	NS huyện
Tổng số (A+B+C)	11.418.298	7.517.992	3.900.306	14.255.822	9.230.926	5.024.896	Tổng số (A+B+C)	11.418.298	7.517.992	3.900.306	14.255.822	9.230.926	5.024.896
A. Các khoản thu cấp NSNN	11.226.298	7.325.992	3.900.306	14.046.364	9.021.468	5.024.896	A. Các khoản chi cấp NSNN	11.226.298	7.325.992	3.900.306	14.046.364	9.021.468	5.024.896
1. Các khoản thu phát sinh	8.512.895	6.578.196	1.942.699	6.607.665	6.198.353	2.409.312	1. Chi đầu tư từ nguồn vốn	2.291.274	1.576.111	715.163	4.186.718	3.112.021	1.074.697
- Các khoản thu NSDP tương đương 100%	2.359.055	1.371.617	987.438	2.542.760	1.135.349	1.407.411	1.1. Chi XDDB	819.067	338.067	271.800	1.166.400	481.000	544.600
Trong đó: GTCC, tiền SPD và tiền thuê đất	280.000	280.000	0	342.400	342.400	0	- Vốn trong nước	809.400	328.400	481.000	809.400	264.800	544.600
- Tiền sử dụng đất	385.837	385.837	0	405.000	405.000	0	- Vốn ngoài nước	9.667	9.667	0	7.000	7.000	0
- Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	6.157.840	5.198.579	955.261	6.064.905	5.063.004	1.001.901	1.2. Chi đầu tư từ nguồn vốn bổ sung có mục tiêu NSTW	437.300	437.300	0	455.087	437.967	15.120
2. Thu bổ sung theo dự toán cấp trên	2.713.403	755.799	1.957.607	3.279.126	909.016	2.370.110	1.3. Chi đầu tư từ nguồn vốn CIMTQG	754.907	520.744	234.163	574.070	339.907	234.163
2.1. Bổ sung theo dự toán đầu năm	641.357	641.357	0	444.967	444.967	0	0 1.4 Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	69.070	69.070	0	69.070	0	69.070
a) Bổ sung vốn đầu tư XDDB	446.967	446.967	0	444.967	444.967	0	- Chi đầu tư trên địa bàn các huyện	685.837	520.744	165.093	505.000	339.907	165.093
- Vốn trong nước	437.300	437.300	0	437.967	437.967	0	+ Chi đầu tư trên địa bàn Nha Trang	360.372	195.279	163.093	360.372	195.279	163.093
- Vốn ngoài nước	9.667	9.667	0	7.000	7.000	0	+ Chi 30% quỹ phát triển đất	325.465	325.465	0	144.628	144.628	0
b) Bổ sung một số chế độ	194.390	194.390	0	0	194.390	0	+ Bà trí chi đầu tư						
- KP thực hiện các chính sách ASXH	58.159	58.159	0	0	58.159	0	++ Giám chi đầu tư nguồn tiền sử dụng đất do hạt thu từ nguồn DT						
+ KP thực hiện Nghị định 67 và Nghị định 136	30.050	30.050	0	30.050	30.050	0	1.5. Chi thu, ghi chi tiền bồi thường, GPMB	280.000	280.000	0	304.155	304.155	0
+ Hỗ trợ bảo vệ và phát triển đất trồng đất	8.800	8.800	0	8.800	8.800	0	- Ghi thu tiền thuê đất, ghi chi GPMB				38.896	38.896	
+ KP thực hiện Nghị 17/2012/NQ-HĐND và QĐ số 2908/QĐ-UBND	10.673	10.673	0	10.673	10.673	0	- Giảm chi thu tiền sử dụng đất để tăng chi trả nợ				-14.741	-14.741	
+ KP miễn giảm thuế lợi phí	4.257	4.257	0	4.257	4.257	0	1.6. Chi đầu tư từ nguồn vốn vay	0	0	0	390.000	390.000	0
+ KP hỗ trợ tiền điện hồ nước	4.224	4.224	0	4.224	4.224	0	- Vay Kho bạc Nhà nước	0	0	0	390.000	390.000	0
+ Chính sách hỗ trợ theo QĐ 102/QĐ - TTR	155	155	0	155	155	0	- Vay Ngân hàng phát triển	0	0	0	0	0	0
- Các chính sách khác	136.231	136.231	0	136.231	136.231	0	1.7. Chi đầu tư các nguồn khác	0	0	0	292.179	225.613	66.566
2.2. Bổ sung trong năm	114.439	114.439	0	269.659	269.659	0	- Nguồn thu tiền sử dụng đất các dự án	0	0	0	167.843	167.843	0
a) Căn đối theo dự toán đầu năm	114.439	114.439	0	424.879	269.659	0	- Nguồn thu tiền thuê đất của nhà đầu tư	0	0	0	13.763	13.763	0
- Bổ sung kinh phí hoạt động tại các đảo Tia	14.000	14.000	0	14.000	14.000	0	- Nguồn dự phòng NS cấp huyện	0	0	0	4.583	0	4.583
- Bổ sung KP thực hiện các chính sách ASXH	100.439	100.439	0	255.659	255.659	0	- Chi từ nguồn thu khác NS cấp huyện	0	0	0	31.226	0	31.226
+ KP thực hiện Nghị định 67 và 13	23.856	23.856	0	25.856	25.856	0	- Nguồn tăng thu NS cấp tỉnh	0	0	0	74.764	44.007	30.757
+ Hỗ trợ học bổng và hỗ trợ mua phương tiện, đồ dùng học tập đối với trẻ em mầm non, HSP, HSSV hệ đào tạo bi khuyết tật theo TT liên tịch số 42/2014/TT-T.RODĐT-RLĐTXH-H.ROC	864	864	0	864	864	0	1.8. Chi đầu tư từ nguồn chuyển nguồn	0	0	0	1.356.827	1.142.579	214.248
+ Hỗ trợ bảo vệ và phát triển đất trồng đất	1.406	1.406	0	1.406	1.406	0	2. Chi thường xuyên	5.190.866	2.088.385	3.102.481	5.307.163	1.977.559	3.329.604
+ KP thực hiện miễn giảm thuế lợi phí	5.825	5.825	0	5.825	5.825	0	Trong đó:						
+ Bảo hiểm y tế các đối tượng	1.906	1.906	0	1.906	1.906	0	- Giám chi do hạt thu dự toán				-127.792	-127.792	
+ KP thực hiện để an tăng cường công tác quản lý khai thác gỗ tự nhiên	5.129	5.129	0	5.129	5.129	0	3. Chi trả nợ vốn vay	1.171.000	1.171.000	1.171.000	1.215.245	1.215.245	0
siêu đoàn 2014-2020	0	0	0	155.220	155.220	0	- Tăng chi trả nợ vốn vay thông qua hình thức GTCC				38.245	38.245	
b) Bổ sung trong năm	0	0	0	0	0	0	+ Ghi thu tiền thuê đất, ghi chi trả nợ				14.741	14.741	
+ Bổ sung kinh phí hoạt động tại các đảo Tia	0	0	0	0	0	0	+ Ghi thu tiền sử dụng đất, ghi chi trả nợ				23.504	23.504	
+ Hỗ trợ bảo vệ và phát triển đất trồng đất	0	0	0	0	0	0	5. Chi tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương	1.170	1.170	1.170	1.170	1.170	0
+ KP thực hiện miễn giảm thuế lợi phí	0	0	0	0	0	0	- Bổ sung từ 20% tiết kiệm CCTL dự toán đầu năm	423.761	401.099	22.662	579.881	344.274	235.607
+ KP thực hiện để an tăng cường công tác quản lý khai thác gỗ tự nhiên	0	0	0	0	0	0	- Bổ sung nguồn CCTL từ 50% nguồn tăng thu DT	0	0	0	201.198	69.878	131.320
siêu đoàn 2014-2020	0	0	0	0	0	0	- Điều chỉnh bổ sung nguồn CCTL do tăng giảm dự toán	423.761	401.099	22.662	-45.078	-126.703	81.623
b) Bổ sung trong năm	0	0	0	0	0	0	6. Chi bổ sung ngân sách cấp dưới	1.957.607	1.957.607	1.957.607	2.370.110	2.370.110	0
+ Bổ sung cho các đơn vị, DP từ nguồn CCTL	0	0	0	0	0	0	7. Dự phòng ngân sách	190.620	130.620	60.000	0	0	0
- Nguồn CCTL của huyện năm 2014 mang sang	0	0	0	0	0	0	8. Nguồn tăng thu dự toán	0	0	0	0	0	0
- Bổ sung cho các đơn vị, DP từ nguồn CCTL	0	0	0	1.240	1.240	0	- Tăng thu nguồn bán nhà thuộc SHNN để bổ sung Quỹ PT nhà ở				386.077	1.089	384.988
b) Nguồn thu khác cấp huyện	0	0	0	31.226	31.226	0	- Tăng thu từ nguồn thu tiền sử dụng đất NS cấp huyện				1.089	1.089	
c) Nguồn thu tiền sử dụng đất nhà đầu tư	0	0	0	16.000	16.000	0	- Tăng thu từ nguồn thu tiền sử dụng đất NS cấp huyện				280.837	280.837	
d) Nguồn chuyển nguồn 2015 sang 2016	0	0	0	1.207.317	1.207.317	0	- Tăng thu còn lại của NS cấp huyện				104.151	104.151	
e) Nguồn tiền thuê đất của nhà đầu tư	0	0	0	19.763	19.763	0							
f) Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên	0	0	0	152.475	152.475	0							
g) Nguồn tăng thu NS cấp tỉnh năm 2015	0	0	0	117.637	117.637	0							
h) Nguồn kết dư	0	0	0	9.167	9.167	0							
i) Quỹ PT nhà ở XH	0	0	0	500	500	0							

Nội dung thu	Dự toán trung ương				Dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao				Ước thực hiện cả năm 2016				Chênh lệch U/TH so với DT HĐND giao												
	Tổng số	NS TW	Phân chia NS tỉnh	NS huyện	Tổng số	NS TW	Phân chia NS tỉnh	NS huyện	Tổng số	NS TW	Phân chia NS tỉnh	NS huyện	Tổng số	NS TW	Phân chia NS tỉnh	NS huyện									
- Phí và lệ phí tính	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	
- Phí và lệ phí huyện	139.000			139.000	42.900			42.900	10.000			10.000	10.000		10.000			65.000			-32.900	0	10.000	-42.900	
- Phí và lệ phí xã					59.530			59.530	65.000			65.000	15.000		15.000			15.000			955	0	0	5.470	955
- Tiền sử dụng đất	1.100.000	0	837.837	262.163	1.100.000	0	865.837	234.163	1.200.000	0	280.000	280.000	1.200.000	0	280.000			685.000			515.000	0	-180.837	280.837	0
- Chi thu, ghi chi tiền sử dụng đất	1.100.000	0	837.837	262.163	1.100.000	0	865.837	234.163	1.200.000	0	280.000	280.000	1.200.000	0	280.000			685.000			515.000	0	-180.837	280.837	0
- Thu phát sinh	1.100.000	0	837.837	262.163	1.100.000	0	865.837	234.163	1.200.000	0	280.000	280.000	1.200.000	0	280.000			685.000			515.000	0	-180.837	280.837	0
+ Ngân sách tỉnh thu	169.070	0	169.070	169.070	169.070	0	169.070	169.070	169.070	0	169.070	169.070	169.070	0	169.070			169.070			169.070	0	0	169.070	0
+ Ngân sách cấp huyện thu	143.000	0	143.000	143.000	143.000	0	143.000	143.000	143.000	0	143.000	143.000	143.000	0	143.000			143.000			143.000	0	0	143.000	0
- Chi thu, ghi chi	143.000	0	143.000	143.000	143.000	0	143.000	143.000	143.000	0	143.000	143.000	143.000	0	143.000			143.000			143.000	0	0	143.000	0
+ Ngân sách tỉnh thu	143.000	0	143.000	143.000	143.000	0	143.000	143.000	143.000	0	143.000	143.000	143.000	0	143.000			143.000			143.000	0	0	143.000	0
+ Ngân sách cấp huyện thu	143.000	0	143.000	143.000	143.000	0	143.000	143.000	143.000	0	143.000	143.000	143.000	0	143.000			143.000			143.000	0	0	143.000	0
- Chi thu, ghi chi	143.000	0	143.000	143.000	143.000	0	143.000	143.000	143.000	0	143.000	143.000	143.000	0	143.000			143.000			143.000	0	0	143.000	0
13. Thu tiền bán & thuê nhà thuộc SHNN	5.000	0	4.900	100	5.000	0	4.900	100	6.000	0	5.989	11	317.600	0	317.600			1.000			1.000	0	1.089	-89	0
- Chi thu, ghi chi	5.000	0	4.900	100	5.000	0	4.900	100	6.000	0	5.989	11	317.600	0	317.600			1.000			1.000	0	1.089	-89	0
+ Ngân sách tỉnh thu	4.900	0	4.900	4.900	4.900	0	4.900	4.900	5.989	0	5.989	11	317.600	0	317.600			1.089			1.089	0	0	1.089	-89
+ Ngân sách cấp huyện thu	100	0	100	100	100	0	100	100	11	0	11	11	11	0	11			11			11	0	0	11	0
14. Thu khác ngân sách:	165.000	42.000	91.300	31.700	165.000	42.000	91.300	31.700	165.000	42.000	91.300	31.700	165.000	42.000	91.300			165.000			165.000	0	0	165.000	0
- Trong đó: - Thu Phát A/GCT	60.000	42.000	10.161	7.839	60.000	42.000	10.161	7.839	60.000	42.000	10.161	7.839	60.000	42.000	10.161			60.000			60.000	0	0	60.000	0
- Ngân sách Trung ương	42.000	42.000	0	0	42.000	42.000	0	0	42.000	42.000	0	0	42.000	42.000	0			42.000			42.000	0	0	42.000	0
- Ngân sách cấp tỉnh thu	91.300	0	91.300	31.700	91.300	0	91.300	31.700	91.300	0	91.300	31.700	91.300	0	91.300			91.300			91.300	0	0	91.300	0
- Ngân sách cấp huyện thu:	22.000	7.700	14.300	0	22.000	7.700	14.300	0	22.000	7.700	14.300	0	22.000	7.700	14.300			22.000			22.000	0	0	22.000	0
16. Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	11.000	7.700	3.300	0	11.000	7.700	3.300	0	11.000	7.700	3.300	0	11.000	7.700	3.300			11.000			11.000	0	0	11.000	0
- Trong ương cấp	11.000	7.700	3.300	0	11.000	7.700	3.300	0	11.000	7.700	3.300	0	11.000	7.700	3.300			11.000			11.000	0	0	11.000	0
- Địa phương cấp	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			0			0	0	0	0	0
17. Thu có thu và lợi nhuận sau thuế	350.000	0	350.000	350.000	350.000	0	350.000	350.000	210.000	0	210.000	210.000	210.000	0	210.000			210.000			210.000	0	0	210.000	0
18. Thu chuyển quyền sử dụng đất	8.535.420	0	6.542.196	1.993.224	8.512.995	0	6.570.196	1.942.699	8.607.665	0	6.198.353	2.409.312	94.770	0	371.843			8.535.420			8.535.420	0	0	371.843	466.613
B. TONG THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG	8.535.420	0	6.542.196	1.993.224	8.512.995	0	6.570.196	1.942.699	8.607.665	0	6.198.353	2.409.312	94.770	0	371.843			8.535.420			8.535.420	0	0	371.843	466.613
Tổng thu NSDP được hưởng không bao gồm các khoản GTGT	2.381.580	1.343.617	1.037.963	2.359.055	2.381.580	1.343.617	1.037.963	2.359.055	2.381.580	1.343.617	1.037.963	2.359.055	2.381.580	1.343.617	1.037.963			2.381.580			2.381.580	0	0	2.381.580	0
1.1 Các khoản thu 100%	6.153.840	5.198.579	955.261	6.153.840	6.153.840	5.198.579	955.261	6.153.840	6.064.905	5.063.004	1.001.901	88.935	6.153.840	5.198.579	955.261			6.153.840			6.153.840	0	0	6.153.840	0
1.2 Thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	1.185.000	847.998	337.002	1.185.000	1.185.000	847.998	337.002	1.185.000	1.347.400	757.561	589.839	162.400	1.185.000	847.998	337.002			1.185.000			1.185.000	0	0	1.185.000	0
2. Các khoản loại trừ không tính tăng thu	1.100.000	0	837.837	262.163	1.100.000	0	837.837	262.163	1.100.000	0	837.837	262.163	1.100.000	0	837.837			1.100.000			1.100.000	0	0	1.100.000	0
- Thu tiền sử dụng đất	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			0			0	0	0	0	0
- Các khoản ghi thu, ghi chi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			0			0	0	0	0	0	0
+ Trên sử dụng đất	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			0			0	0	0	0	0	0
+ Trên thuê đất, mặt nước	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			0			0	0	0	0	0	0
- Thu tài sản	25.000	25.000	0	25.000	25.000	25.000	0	25.000	42.000	42.000	0	42.000	42.000	0	42.000			25.000			42.000	0	0	25.000	0
- Phí BHYT đối với khai thác khoáng sản	42.000	42.000	0	42.000	42.000	42.000	0	42.000	42.000	42.000	0	42.000	42.000	0	42.000			42.000			42.000	0	0	42.000	0
- Phí ATGT phần NSDP được hưởng	18.000	10.161	7.839	18.000	18.000	10.161	7.839	18.000	18.000	10.161	7.839	18.000	18.000	10.161	7.839			18.000			18.000	0	0	18.000	0
3. Các khoản còn lại để tăng thu	7.350.420	5.694.198	1.656.222	7.327.995	7.327.995	5.694.198	1.656.222	7.327.995	7.327.995	5.694.198	1.656.222	7.327.995	7.327.995	5.694.198	1.656.222			7.327.995			7.327.995	0	0	7.327.995	0
4. Số tăng thu TH so với DT TW giao																									
- 50% thực hiện CCTL																									
- 50% bổ trí tăng chi																									
5. Số tăng thu TH 15 so với DT HĐND giao																									
- Danh nguồn thực hiện CCTL																									
- Số còn lại được sử dụng																									
+ Tăng thu tiền sử dụng đất																									
+ Tăng thu QLP phát triển nhà ở																									
+ Chi thu ghi chi tiền thuê đất																									
+ Tăng thu còn lại																									
C. TONG THU NSWTW HƯỞNG	4.867.580	4.867.580			5.167.105	4.867.580			5.167.105	4.867.580			5.167.105	4.867.580				4.867.580			5.167.105	0	0	4.867.580	0
1. Các khoản thu 100%	3.029.420	3.029.420			3.328.945	3.029.420			3.328.945	3.029.420			3.328.945	3.029.420				3.029.420			3.328.945	0	0	3.029.420	0
2. Thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	1.838.160	1.838.160			1.838.160																				

TỔNG HỢP CHI TỪ NGUỒN DỰ PHÒNG NĂM 2016

(Kèm theo báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2016 của UBND tỉnh)

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG CHI	Tổng cộng	6 tháng đầu năm	6 tháng cuối năm
	Tổng cộng	196.687	55.565	141.122
A	Dự phòng cấp tỉnh	136.687	31.289	105.398
A.1	Nguồn dự toán đầu năm 2016	130.620	31.183	99.437
1	Chi cho công tác an sinh xã hội	99.599	15.958	83.641
	Cấp kinh phí chi trả bảo hiểm thực hiện ND số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014	833	833	
	Hỗ trợ các tổ chức, cá nhân và hộ gia đình khai thác hải sản theo QĐ số 48/2010/QĐ-TTg năm 2016	54.619	13.526	41.093
	Hỗ trợ người dân thuộc hộ nghèo vùng khó khăn theo QĐ số 102/2009/QĐ-TTg năm 2016 khi chuẩn nghèo thay đổi	1.383	1.383	
	Hỗ trợ chi phí học tập từ ngày 1/1/2016 đến 31/12/2016 đối với sinh viên là người DTTS	216	216	
	Hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em 3,4 và 5 tuổi theo Quyết định số 60/2011/QĐ-TTg và Quyết định số 239/QĐ-TTg	4.895		4.895
	Cấp bù học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015	15.155		15.155
	- Hỗ trợ kinh phí đóng BHYT học sinh	16.617		16.617
	- Kinh phí cấp bù thủy lợi phí	1.162		1.162
	- Kinh phí mừng thọ người cao tuổi	26		26
	- Chính sách giáo dục đối với người khuyết tật theo Thông tư liên tịch số 42/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 31/12/2013	0		
	- Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo và hộ chính sách	3.477		3.477
	- Kinh phí chi trả các đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 (trợ cấp hàng tháng, mai táng phí, BHYT)	1.217		1.217
2	Chi công tác phòng chống dịch bệnh, thiên tai, hỏa hoạn	11.402	11.402	0
	Hỗ trợ mua gạo cứu đói nhân dịp Tết Bính Thân năm 2016	1.998	1.998	
	KP hỗ trợ giống cây trồng và giống thủy sản khôi phục sản xuất do mưa lũ năm 2010	2.143	2.143	
	KP mua vật chất y tế đảm bảo nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho cán bộ và nhân dân tại các xã đảo, thị trấn Trường Sa, huyện Trường Sa	1.272	1.272	
	Hỗ trợ giống khôi phục sản xuất cho các hộ nông dân sản xuất lúa bị thiệt hại do gió lốc trên địa bàn xã Vạn Khánh, huyện Vạn Ninh	18	18	
	Khảo sát và tổ chức khoan giếng, giải quyết nước sinh hoạt cho nhân dân Khánh Vĩnh	1.000	1.000	
	Hỗ trợ mua gạo trợ cấp cho nhân dân do bị ảnh hưởng hạn hán năm 2016	4.971	4.971	
3	Chi an ninh quốc phòng	13.717	290	13.427

STT	NỘI DUNG CHI	Tổng cộng	6 tháng đầu năm	6 tháng cuối năm
	KP Đoàn đi công tác Campuchia	290	290	
	KP diễn tập phòng thủ	13.427		13.427
4	Chi nội dung cấp bách khác	5.902	3.533	2.369
	KP thực hiện việc phân công công tác của sinh viên thuộc nguồn dự bị dài hạn của tỉnh sau khi tốt nghiệp Đại học, Cao đẳng	2.148	2.148	
	KP Đoàn công tác Trường Sa	690	690	
	Hỗ trợ giá điện trong 5 tháng đầu năm 2014 tại các đảo Vũng Ngán, Bích Đầm, TP Nha Trang	512	512	
	Hỗ trợ xã sông Cầu phát triển sản xuất thuộc chương trình kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi tỉnh Khánh Hòa 2015	53	53	
	Tổ chức hội nghị tuyên truyền, phổ biến Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo	130	130	
	KP khen thưởng cho 65 bà mẹ thuộc tỉnh Khánh Hòa được phong tặng danh hiệu vinh dự nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"	1.289		1.289
	Hỗ trợ sửa chữa nhà ở hư hỏng cho DB DTTS huyện Diên Khánh và Ninh Hòa	1.080		1.080
A.2	Nguồn dự phòng chuyển nguồn 2015-2016	6.067	106	5.961
1	Chi cho công tác an sinh xã hội	537	0	537
	Chính sách giáo dục đối với người khuyết tật theo Thông tư liên tịch số 42/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 31/12/2013	106		106
	Kinh phí quản lý đối tượng bảo trợ xã hội và công tác tập huấn	113		113
	Chế độ học bổng và khen thưởng theo Nghị quyết số 17/2012/NQ-HĐND ngày 28/6/2012 và Quyết định số 2908/QĐ-UBND ngày 31/10/2014	315		315
	Kinh phí hỗ trợ trực tiếp hộ nghèo vùng khó khăn theo Quyết định số 102/2009/QĐ-TTg	3		3
2	Chi công tác phòng chống dịch bệnh, thiên tai, hỏa hoạn	5.144	0	5.144
	Diễn tập phòng chống lụt bão	5.144		5.144
3	Chi an ninh quốc phòng	280	0	280
	Diễn tập phương án chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của Cảnh sát PCCC	280		280
4	Chi nội dung cấp bách khác	106	106	0
	KP thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách thuộc 02 huyện Khánh Sơn, Khánh Vĩnh	106	106	
B	Dự phòng cấp huyện	60.000	24.276	35.724
	Chi cho công tác an sinh xã hội	10.673	10.673	
	Chi công tác phòng chống dịch bệnh, thiên tai, hỏa hoạn	22.810	2.810	20.000
	Chi an ninh quốc phòng	10.577	577	10.000
	Chi nội dung cấp bách khác	15.940	10.216	5.724